

TỔNG HỢP CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TRIẾT HỌC (CHƯƠNG 1-3)

CHƯƠNG 1

Câu 1: Triết học ra đời vào thời gian nào?

- A. Thế kỷ thứ VIII - VI Trước Công nguyên
- B. Thế kỷ thứ III- Sau Công nguyên
- C. Vào những năm 40 của thế kỷ XIX
- D. Thế kỷ thứ VIII- VI sau Công nguyên

Đáp án: A

Câu 2: Triết học ra đời sớm nhất ở đâu?

- A. Trung Quốc, Ấn Độ, Nga
- B. Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp - La Mã
- C. Hy Lạp - La Mã, Ấn Độ, Nga
- D. Trung Quốc, Hy Lạp, Ai Cập

Đáp án: B

Câu 3: Chọn đáp án đúng nhất, triết học là gì?

- A. Là tri thức về giới tự nhiên
- B. Là tri thức về xã hội
- C. Là tri thức về tư duy con người
- D. Là hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về thế giới và vị trí của con người trong thế giới ấy.

Đáp án: D

Câu 4: Chọn đáp án đúng nhất, triết học ra đời trong điều kiện nào?

- A. Chưa có sự phân chia giai cấp
- B. Nhận thức của con người mới đạt ở trình độ cảm tính
- C. Chưa có sự phân công lao động
- D. Khi tư duy của con người đạt trình độ trừu tượng, khái quát hóa cao và xuất hiện tầng lớp lao động trí óc có khả năng hệ thống tri thức của con người.

Đáp án: D

Câu 5: “Triết học tự nhiên” là thuật ngữ dùng để chỉ đặc trưng của triết học ở thời kỳ nào?

- A. Thời kỳ Cổ đại
- B. Thời kỳ Trung cổ
- C. Thời kỳ Phục hưng
- D. Triết học Mác – Lê nin vào nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

Đáp án: A

Câu 6: “Triết học Kinh viện” là thuật ngữ dùng để chỉ đặc điểm của triết học ở thời kỳ nào?

- A. Thời kỳ Cổ đại
- B. Thời kỳ Trung cổ
- C. Thời kỳ Phục hưng
- D. Triết học Mác – Lê nin vào nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

Đáp án: B

Câu 7: “Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại” là câu nói của nhà triết học nào?

- A. C.Mác
- B. Ph.Ăngghen
- C. V.I.Lênin
- D. Hेगेल

Đáp án: B

Câu 8: Bắt đầu đến thời kỳ nào triết học không còn được coi là “Khoa học của mọi khoa học”?

- A. Thời Cổ đại
- B. Thời Phục hưng
- C. Thời Trung cổ
- D. Thời kỳ sơ khai

Đáp án: B

Câu 9: Phủ nhận sự tồn tại khách quan của hiện thực và coi cảm giác là tồn tại duy nhất thuộc nội dung của trường phái triết học nào?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: A

Câu 10: Thừa nhận tính thứ nhất của ý thức và coi đó là thứ tinh thần khách quan có trước, tồn tại độc lập với con người là nội dung của:

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: B

Câu 11: Trường phái triết học nào mang nặng tính trực quan, ngây thơ, chất phác:

- A. Chủ nghĩa duy vật thời Cổ đại
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII, XVIII
- C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- D. Chủ nghĩa duy tâm khách quangyjn

Đáp án: A

Câu 12: Đồng nhất vật chất với một hay một số chất cụ thể của vật chất là đặc điểm của:

- A. Chủ nghĩa duy vật thời Cổ đại
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII, XVIII
- C. Chủ nghĩa duy vật của triết học Cổ điển Đức
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: A

Câu 13: Mặt thứ hai trong “Vấn đề cơ bản của triết học” là?

- A. Con người có khả năng nhận thức được thế giới không?
- B. Nguồn gốc của thế giới là vật chất hay ý thức?
- C. Vai trò của vật chất đối với ý thức như thế nào?
- D. Vai trò của ý thức đối với vật chất như thế nào?

Đáp án: A

Câu 14: Thừa nhận con người có khả năng nhận thức được thế giới là nội dung của:

- A. Bất khả tri luận
- B. Khả tri luận
- C. Thuyết không thể biết
- D. Bất khả tri, hoài nghi luận, khả tri luận

Đáp án: B

Câu 15: Con người không có khả năng nhận thức được thế giới là nội dung của :

- A. Khả tri luận
- B. Hoài nghi luận
- C. Bất khả tri luận
- D. Khả tri và hoài nghi luận

Đáp án: C

Câu 16: Nâng hoài nghi lên thành nguyên tắc trong việc xem xét tri thức đã đạt được và cho rằng con người không thể đạt đến chân lý khách quan là nội dung của:

- A. Khả tri luận
- B. Hoài nghi luận
- C. Bất khả tri luận
- D. Thuyết không thể biết

Đáp án: B

Câu 17: Phương pháp siêu hình là:

- A. Nhận thức đối tượng ở trạng thái vận động
- B. Nhận thức đối tượng ở trạng thái phát triển
- C. Nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến
- D. Nhận thức đối tượng ở trạng thái cô lập, tĩnh tại

Đáp án: D

Câu 18: Phương pháp tư duy nào chi phối nhận thức của con người ở thế kỷ XVII – XVIII?

- A. Phương pháp biện chứng duy tâm
- B. Phương pháp biện chứng duy vật
- C. Phương pháp siêu hình máy móc
- D. Phương pháp biện chứng duy vật; Phương pháp siêu hình máy móc

Đáp án: C

Câu 19: Phương pháp siêu hình là:

- A. Chỉ nhìn thấy cây mà không nhìn thấy rừng
- B. Không những nhìn thấy cây mà còn nhìn thấy cả rừng
- C. Nhận thức đối tượng ở trạng thái vận động
- D. Khẳng định nguyên nhân của sự biến đổi là nằm ở bên trong sự vật

Đáp án: A

Câu 20: Phương pháp biện chứng là:

- A. Nhận thức đối tượng ở trạng thái cô lập
- B. Nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến, ràng buộc, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau
- C. Tách rời đối tượng ra khỏi các mối quan hệ
- D. Nhận thức đối tượng ở trạng thái tĩnh

Đáp án: B

Câu 21: Phương pháp biện chứng có đặc điểm gì?

- A. Chỉ nhìn thấy cây mà không nhìn thấy rừng
- B. Không những nhìn thấy cây mà còn nhìn thấy cả rừng
- C. Nguyên nhân của sự biến đổi nằm bên ngoài sự vật, hiện tượng
- D. Nhận thức đối tượng ở trạng thái tách rời

Đáp án: B

Câu 22: Lịch sử phép biện chứng tuần tự trải qua những hình thức nào?

- A. Phép biện chứng tự phát, phép biện chứng duy tâm, phép biện chứng duy vật
- B. Phép biện chứng tự phát, phép biện chứng duy vật, phép biện chứng duy tâm
- C. Phép biện chứng duy tâm, phép biện chứng tự phát, phép biện chứng duy vật
- D. Phép biện chứng duy vật, phép biện chứng tự phát, phép biện chứng duy tâm

Đáp án: A

Câu 23: Nguồn gốc lý luận của triết học Mác – Lênin?

- A. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
- B. Kinh tế chính trị cổ điển Anh, triết học cổ điển Đức, chủ nghĩa xã hội không tưởng của Pháp
- C. Kinh tế chính trị cổ điển Anh, triết học cổ điển Đức, học thuyết tiến hóa
- D. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, thuyết tiến hóa, kinh tế chính trị cổ điển Anh

Đáp án: B

Câu 24: Tiền đề khoa học tự nhiên của triết học Mác – Lênin?

- A. Học thuyết tế bào, thuyết tiến hóa, định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng
- B. Học thuyết tế bào, thuyết nguyên tử
- C. Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, thuyết nguyên tử
- D. Thuyết tiến hóa, thuyết nguyên tử

Đáp án: A

Câu 25: Chỉ ra chức năng của triết học Mác-Lênin?

- A. Cung cấp thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng
- B. Cung cấp thế giới quan duy tâm và phương pháp luận biện chứng
- C. Cung cấp thế giới quan duy vật và phương pháp luận siêu hình
- D. Cung cấp thế giới quan duy tâm và phương pháp luận siêu hình

Đáp án: A

Câu 26: Trường phái triết học nào phủ nhận sự tồn tại của thế giới vật chất?

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- C. Chủ nghĩa duy tâm
- D. chủ nghĩa duy vật thời Cổ đại

Đáp án: C

Câu 27: Tìm câu trả lời đúng nhất, mặt tích cực nhất của quan niệm về vật chất thời cổ đại?

- A. Đồng nhất vật chất với vật thể
- B. Làm nền tảng cho quan niệm duy tâm phát triển
- C. Kìm hãm sự phát triển tư tưởng khoa học về thế giới.
- D. Chống quan niệm duy tâm tôn giáo và thúc đẩy sự phát triển tư tưởng khoa học về thế giới.

Đáp án: D

Câu 28: Trường phái triết học nào đồng nhất vật chất với khối lượng?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- D. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

Đáp án: B

Câu 29: Triết học Mác - Lênin do ai sáng lập và phát triển?

- A. V.I. Lênin sáng lập, C.Mác phát triển
- B. C.Mác sáng lập và V.I. Lênin phát triển
- C. V.I. Lênin sáng lập và Ph.Ăngghen phát triển
- D. C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập, V.I.Lênin phát triển

Đáp án: D

Câu 30: Triết học Mác ra đời vào khoảng thời gian nào?

- A. Những năm 20 của thế kỷ XX
- B. Những năm 20 của thế kỷ XIX
- C. Những năm 40 của thế kỷ XIX
- D. Những năm 40 của thế kỷ XX

Đáp án: C

Câu 31: Triết học Mác- Lênin ra đời trong điều kiện kinh tế - xã hội nào?

- A. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành phương thức sản xuất thống trị
- B. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mới xuất hiện
- C. Chủ nghĩa tư bản trở thành chủ nghĩa đế quốc
- D. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa suy tàn

Đáp án: A

Câu 32: Câu nói: "Các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất; họ là sản phẩm của thời đại của mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh túy nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học" của ai?

- A. C.Mác
- B. Ph.Ăngghen
- C. V.I.Lênin

D. Ph.Hêghen

Đáp án: A

Câu 33: Quan hệ giữa quy luật của triết học và quy luật của khoa học cụ thể là mối quan hệ giữa:

- A. Cái chung và cái riêng
- B. Nguyên nhân và kết quả
- C. Hiện tượng và bản chất
- D. Tất nhiên và ngẫu nhiên

Đáp án: A

Câu 34: Triết học Mác - Lenin là sự thống nhất hữu cơ của:

- A. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận siêu hình
- B. Thế giới quan duy tâm và phương pháp luận biện chứng
- C. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng
- D. Thế giới quan duy tâm và phương pháp luận biện chứng

Đáp án: C

Câu 35: Tìm đáp án đúng nhất về chức năng của triết học Mác- Lenin:

- A. Cung cấp thế giới quan và phương pháp luận
- B. Cung cấp tri thức về tự nhiên cho con người
- C. Cung cấp phương pháp tư duy cho con người
- D. Cung cấp tri thức về xã hội cho con người

Đáp án: A

Câu 36: Điền vào chỗ trống, C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "... , trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại".

- A. Giai cấp nông dân
- B. Giai cấp địa chủ
- C. Giai cấp công nhân
- D. Giai cấp tư sản

Đáp án: D

Câu 37: Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác - Lenin, giai đoạn (1841-1844) là:

- A. Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học với bước quá độ từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản
- B. Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học
- C. Thời kỳ bổ sung và phát triển toàn diện lý luận triết học
- D. Thời kỳ đề xuất và bổ sung, phát triển toàn diện lý luận triết học

Đáp án: A

Câu 38: Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác - Lenin, giai đoạn (1844-1847) là:

- A. Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học
- B. Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử
- C. Thời kỳ bổ sung và phát triển toàn diện lý luận triết học

D. Thời kỳ hình thành tư tưởng với bước quá độ từ chủ nghĩa duy vật sang chủ nghĩa duy tâm

Đáp án: B

Câu 39: Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác- Lênin, giai đoạn (1848- 1895) là:

- A. Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học
- B. Thời kỳ chuyển từ chủ nghĩa duy vật sang chủ nghĩa duy tâm
- C. Thời kỳ bổ sung và phát triển toàn diện lý luận triết học
- D. Thời kỳ chuyển từ chủ nghĩa duy vật sang chủ nghĩa duy tâm và phát triển toàn diện lý luận triết học

Đáp án: C

Câu 40: Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin, thời kỳ hình thành tư tưởng triết học với bước quá độ từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản là:

- A. Giai đoạn (1841 |- 1844|)
- B. Giai đoạn (1844 |- 1847|)
- C. Giai đoạn (1848 |-1895)
- D. Giai đoạn (1841 |- 1847|)

Đáp án: A

Câu 41: Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác - Lênin, thời kỳ bổ sung, phát triển toàn diện lý luận triết học Mác – Lênin là:

- A. Giai đoạn (1841 |- 1844|)
- B. Giai đoạn (1844 |- 1847|)
- C. Giai đoạn (1848 |- 1895|)
- D. Giai đoạn (1841 |- 1847|)

Đáp án: C

Câu 42: Trong lịch sử hình thành và phát triển của triết học Mác- Lênin, thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là:

- A. Giai đoạn (1841 |- 1844|)
- B. Giai đoạn (1844 |- 1847|)
- C. Giai đoạn (1848 |- 1895|)
- D. Giai đoạn những năm đầu thế kỷ XX

Đáp án: B

Câu 43: Trong giai đoạn V.I.Lênin phát triển triết học Mác, thời kỳ 1893 – 1907 là:

- A. Thời kỳ V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác nhằm thành lập đảng Mác – xít ở Nga và chuẩn bị cho cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất
- B. Thời kỳ V.I.Lênin phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga
- C. Thời kỳ hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với việc nghiên cứu các vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội
- D. Thời kỳ tổng kết thành tựu của cách mạng tháng Mười

Đáp án: A

Câu 44: Trong giai đoạn V.I.Lênin phát triển triết học Mác, thời kỳ 1907- 1917 là:

- A. Thời kỳ V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác
- B. Thời kỳ phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga, chuẩn bị cho cách mạng xã hội chủ nghĩa
- C. Thời kỳ hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với việc nghiên cứu các vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội
- D. Thời kỳ tổng kết thành tựu của cách mạng tháng Mười

Đáp án: B

Câu 45: Trong giai đoạn V.I.Lênin phát triển triết học Mác, thời kỳ 1917- 1924 là:

- A. Thời kỳ V.I.Lênin bảo vệ triết học Mác và chuẩn bị cho cách mạng tháng Mười
- B. Thời kỳ phát triển triết học Mác và lãnh đạo Cách mạng tháng Mười
- C. Thời kỳ tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng, bổ sung, hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với nghiên cứu các vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội
- D. Thời kỳ chuyển từ lập trường chủ nghĩa duy vật sang chủ nghĩa duy tâm

Đáp án: C

Câu 46: Thời kỳ V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác-Lênin nhằm thành lập đảng Mác – xít ở Nga và chuẩn bị cho cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất diễn ra vào thời gian nào?

- A. Giai đoạn (1893- 1907\)
- B. Giai đoạn (1907- 1917\)
- C. Giai đoạn (1917- 1924\)
- D. Giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ I

Đáp án: A

Câu 47: Thời kỳ V.I.Lênin phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga, chuẩn bị cho cách mạng tháng Mười

- A. Giai đoạn (1893 – 1907\)
- B. Giai đoạn (1907 – 1917\)
- C. Giai đoạn (1917 – 1924\)
- D. Giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ I

Đáp án: B

Câu 48: Tìm đáp án đúng nhất, đối tượng nghiên cứu của triết học Mác \- Lênin:

- A. Đạo đức của con người
- B. Giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trên lập trường duy vật biện chứng và nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- C. Sự cấu tạo, biến đổi của giới tự nhiên
- D. Những quy luật phát triển của xã hội

Đáp án: B

Câu 49: Tôn giáo thường sử dụng học thuyết nào làm cơ sở lý luận để luận chứng cho các quan điểm của mình?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- D. Chủ nghĩa duy vật cổ đại

Đáp án: A

CHƯƠNG 2

Câu 1: Quan điểm nào đồng nhất vật chất với một vài dạng cụ thể như nước, lửa, không khí?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật thời cổ đại
- C. Chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII-XVIII
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: B

Câu 2: Nhà triết học nào quan niệm vật chất là nguyên tử?

- A. Thales
- B. Anaximens
- C. Đêmôcrit
- D. Heraclit

Đáp án: C

Câu 3: Nhà triết học nào đồng nhất vật chất là nước?

- A. Thales
- B. Đêmocrit
- C. Heraclit
- D. Anaximens

Đáp án: A

Câu 4: Triết gia nào đồng nhất vật chất là lửa?

- A. Thales
- B. Đêmocrit
- C. Heraclit
- D. Anaximens

Đáp án: C

Câu 5: Quan điểm nào cho rằng chỉ có một hình thức vận động duy nhất là vận động cơ học?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- C. Chủ nghĩa duy vật thế kỷ siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: C

Câu 6: Trường phái nào cho rằng vận động của vật chất là tuyệt đối, đứng im là tương đối, tạm thời?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật thời cổ đại
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: D

Câu 7: Quan điểm nào cho rằng ý thức là tính thứ nhất, từ đó sinh ra tất cả?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật cổ đại
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: A

Câu 8: Định nghĩa về vật chất của Lê nin được nêu trong tác phẩm nào?

- A. Biện chứng của tự nhiên
- B. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán
- C. Bút ký triết học
- D. Nhà nước và cách mạng

Đáp án: B

Câu 9: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Ý thức của con người do cảm giác sinh ra
- B. Ý thức quyết định sự tồn tại, biến đổi của thế giới vật chất
- C. Ý thức là một dạng vật chất đặc biệt
- D. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan

Đáp án: D

Câu 10: Trong các hình thức sau, hình thức phản ánh nào cao nhất?

- A. Phản ánh vật lý
- B. Phản ánh hóa học
- C. Phản ánh tâm lý
- D. Phản ánh ý thức

Đáp án: D

Câu 11: Theo của chủ nghĩa duy vật biện chứng, động vật bậc cao có thể đạt đến hình thức phản ánh nào?

- A. Phản ánh ý thức
- B. Phản ánh tâm lý động vật
- C. Tính kích thích
- D. Tính sáng tạo

Đáp án: B

Câu 12: Phản ánh năng động, sáng tạo (phản ánh ý thức) là gì?

- A. Là hình thức phản ánh đặc trưng cho giới tự nhiên hữu sinh
- B. Là hình thức phản ánh đặc trưng cho vật chất vô sinh
- C. Là hình thức phản ánh cao nhất trong các hình thức phản ánh, nó chỉ được thực hiện ở dạng vật chất phát triển cao nhất, có tổ chức cao nhất là bộ óc người.
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: C

Câu 13: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc tự nhiên của ý thức gồm những yếu tố nào?

- A. Bộ óc con người và lao động

- B. Thế giới bên ngoài tác động vào bộ óc
- C. Lao động và ngôn ngữ
- D. Bộ óc con người và thế giới bên ngoài tác động vào bộ óc

Đáp án: D

Câu 14: Nguồn gốc xã hội của ý thức gồm những yếu tố nào?

- A. Bộ óc con người
- B. Sự tác động của thế giới bên ngoài vào bộ óc con người
- C. Lao động và ngôn ngữ
- D. Thế giới khách quan

Đáp án: C

Câu 15: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?

- A. Là sự phản ánh hiện thực khách quan vào đầu óc con người một cách năng động, sáng tạo.
- B. Là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.
- C. Là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội.
- D. Tất cả các phương án

Đáp án: D

Câu 16: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của ý thức?

- A. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
- B. Ý thức là sự phản ánh nguyên vẹn về thế giới khách quan
- C. Ý thức là sự phản ánh chính xác về thế giới khách quan
- D. Ý thức là hình ảnh khách quan của thế giới

Đáp án: A

Câu 17: Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong kết cấu của ý thức yếu tố nào là cơ bản và cốt lõi nhất?

- A. Tri thức
- B. Tình cảm
- C. Niềm tin, ý chí
- D. Ý chí và tư tưởng

Đáp án: A

Câu 18: Ph.Ăngghen đã chia vận động làm mấy hình thức cơ bản?

- A. 4 hình thức
- B. 3 hình thức
- C. 5 hình thức
- D. 6 hình thức

Đáp án: C

Câu 19: Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là thấp nhất?

- A. Cơ học
- B. Vật lý
- C. Hóa học
- D. Sinh học

Đáp án: A

Câu 20: Theo cách phân chia các hình thức vận động của Ăngghen, hình thức nào là cao nhất?

- A. Sinh học
- B. Hóa học
- C. Vận động xã hội
- D. Vận động của tư duy

Đáp án: C

Câu 21: Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức như thế nào?

- A. Vật chất quyết định ý thức
- B. Ý thức quyết định vật chất
- C. Vật chất quyết định ý thức, còn ý thức có tính độc lập tương đối và tác động đến vật chất thông qua hoạt động thực tiễn
- D. Ý thức và vật chất độc lập với nhau

Đáp án: C

Câu 22: Quan điểm nào phủ nhận tính độc lập tương đối của ý thức?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: C

Câu 23: Ý thức tác động trở lại vật chất được thực hiện thông qua yếu tố nào?

- A. Hoạt động tự thân của ý thức con người
- B. Hoạt động nhận thức của ý thức con người
- C. Hoạt động chủ quan của ý thức con người
- D. Hoạt động thực tiễn của con người

Đáp án: D

Câu 24: Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, quan điểm lịch sử- cụ thể yêu cầu như thế nào?

- A. Không cần chú ý đến điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, môi trường cụ thể trong đó sự vật sinh ra
- B. Không cần chú ý đến điều kiện hoàn cảnh lịch sử tồn trong đó sự vật tồn tại và phát triển
- C. Cần chú ý đến điều kiện, hoàn cảnh lịch sử- cụ thể của sự vật, hiện tượng đó sinh ra, tồn tại, phát triển
- D. Không chú ý đến không gian, thời gian của sự tồn tại, vận động sự vật

Đáp án: C

Câu 25: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng khi xem xét sự vật, hiện tượng, chúng ta cần tránh quan điểm nào?

- A. Quan điểm toàn diện
- B. Quan điểm phát triển
- C. Quan điểm lịch sử - cụ thể
- D. Quan điểm phiến diện, chiết trung, ngụy biện

Đáp án: D

Câu 26: Chỉ ra quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về thuật ngữ biện?

- A. Phân tích sâu mặt bản chất của đối tượng
- B. Coi trọng mặt hình thức của đối tượng
- C. Đánh tráo các mối liên hệ cơ bản thành không có bản hoặc ngược lại
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: C

Câu 27: Phát triển có tính chất gì?

- A. Tính khách quan, phổ biến, đa dạng và phong phú
- B. Tính chủ quan và phổ biến
- C. Tính chủ quan và cô lập
- D. Tính khách quan và cô lập

Đáp án: A

Câu 28: Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm phát triển có đặc điểm gì?

- A. Chỉ vận động theo khuynh hướng đi lên của sự vật, hiện tượng
- B. Mang tính chủ quan
- C. Chỉ tăng lên về mặt lượng của sự vật
- D. Chỉ theo vòng tròn khép kín

Đáp án: A

Câu 29: Đâu không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguyên tắc phát triển?

- A. Cần đặt đối tượng vào sự vận động, phát hiện xu hướng biến đổi của nó
- B. Phát triển là quá trình trải qua nhiều giai đoạn
- C. Phải sớm phát hiện và ủng hộ đối tượng mới
- D. Phải có quan điểm bảo thủ, định kiến khi nghiên cứu đối tượng

Đáp án: D

Câu 30: Nêu ý nghĩa phương pháp luận của quan điểm phát triển?

- A. Chỉ nắm bắt những cái hiện đang tồn tại ở sự vật
- B. Chỉ nắm bắt cái đã tồn tại của sự vật
- C. Nắm bắt những cái hiện đã, đang tồn tại và thấy xu hướng phát triển trong tương lai của sự vật
- D. Chỉ nắm bắt xu hướng phát triển trong tương lai của sự vật

Đáp án: C

Câu 31: Theo quan điểm duy vật biện chứng, cái chung là gì?

- A. Dùng để chỉ một mặt, một thuộc tính không có ở bất kỳ sự vật, hiện tượng nào
- B. Dùng để các mặt, các thuộc tính chỉ có ở một sự vật, hiện tượng
- C. Dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính không những có ở sự vật, hiện tượng nào đó, mà còn lặp lại trong nhiều sự vật, hiện tượng khác
- D. Chỉ một sự vật, hiện tượng nhất định

Đáp án: C

Câu 32: Mối liên hệ nhân quả có những thuộc tính nào?

- A. Tính khách quan
- B. Tính phổ biến
- C. Tính tất yếu
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: D

Câu 33: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về phạm trù chất của sự vật?

- A. Chất của sự vật tồn tại khách quan bên ngoài sự vật, phụ thuộc vào ý thức của con người
- B. Chất của sự vật do cảm giác của con người quyết định
- C. Chất của sự vật chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, là tổng hợp các thuộc tính của sự vật nói lên đặc trưng của sự vật
- D. Chất của sự vật là thuộc tính không cơ bản của sự vật

Đáp án: C

Câu 34: Phạm trù “độ” trong quy luật Lượng - chất được hiểu như thế nào?

- A. Sự biến đổi về chất mà lượng không thay đổi
- B. Khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản về chất của sự vật, hiện tượng
- C. Sự biến đổi về chất và lượng của sự vật, hiện tượng
- D. Khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng bất kỳ cũng làm biến đổi về chất của sự vật, hiện tượng

Đáp án: B

Câu 35: Thế nào là “bước nhảy”?

- A. Là sự phát triển đột biến
- B. Là sự phát triển không hoàn thiện về chất
- C. Là quá trình biến đổi về chất diễn ra tại điểm nút
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: C

Câu 36: Quy luật nào là hạt nhân của phép biện chứng duy vật?

- A. Quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến những sự thay đổi về chất
- B. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập
- C. Quy luật phủ định của phủ định
- D. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và quy luật phủ định của phủ định

Đáp án: B

Câu 37: Quy luật mâu thuẫn có vai trò như thế nào?

- A. Là hạt nhân của phép biện chứng duy vật, vạch ra nguồn gốc động lực của sự vận động và phát triển.
- B. Vạch ra xu hướng của sự phát triển
- C. Vạch ra cách thức của sự phát triển
- D. Vạch ra con đường của sự phát triển

Đáp án: A

Câu 38: Mặt đối lập có đặc điểm gì?

- A. Là những mặt có những thuộc tính, tính chất trái ngược nhau

- B. Là những mặt có những thuộc tính, tính chất giống nhau
- C. Là những mặt không có liên hệ với nhau
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: A

Câu 39: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đâu là hoạt động cơ bản và quan trọng nhất của thực tiễn?

- A. Hoạt động sản xuất vật chất
- B. Hoạt động chính trị \- xã hội
- C. Hoạt động thực nghiệm khoa học
- D. Hoạt động giao tiếp cộng đồng

Đáp án: A

Câu 40: Hình thức nào là hình thức cao nhất của giai đoạn nhận thức cảm tính?

- A. Biểu tượng
- B. Cảm giác
- C. Tri giác
- D. Phán đoán

Đáp án: A

Câu 41: Hình thức nào là hình thức đầu tiên của giai đoạn nhận thức cảm tính?

- A. Biểu tượng
- B. Cảm giác
- C. Tri giác
- D. Phán đoán

Đáp án: B

Câu 42: Nhận thức cảm tính có đặc điểm gì?

- A. Là sự phản ánh trực tiếp khách thể thông qua các giác quan
- B. Là sự phản ánh gián tiếp sự vật, hiện tượng
- C. Là giai đoạn cao của quá trình nhận thức
- D. Phản ánh được bản chất của sự vật, hiện tượng

Đáp án: A

Câu 43: Nhận thức lý tính có đặc điểm gì?

- A. Là sự phản ánh trực tiếp khách thể thông qua các giác quan
- B. Là sự phản ánh những thuộc tính bên ngoài của sự vật hiện tượng
- C. Là giai đoạn thấp của quá trình nhận thức
- D. Phản ánh được bản chất của sự vật, hiện tượng

Đáp án: D

Câu 44: Thế nào là chân lý?

- A. Tri thức phù hợp với hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm
- B. Tri thức không phản ánh đúng hiện thực khách quan
- C. Tri thức thuộc về số đông
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: A

Câu 45: Con đường biện chứng của quá trình nhận thức phải diễn ra như thế nào?

- A. Từ nhận thức lý tính đến nhận thức cảm tính
- B. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn
- C. Từ tư duy trừu tượng đến trực quan sinh động, từ trực quan sinh động đến thực tiễn
- D. Từ trực quan sinh động đến thực tiễn, từ thực tiễn đến tư duy trừu tượng

Đáp án: B

Câu 46: Đặc điểm chung của quan niệm duy vật về vật chất ở thời kỳ cổ đại là gì?

- A. Đồng nhất vật chất nói chung với ý niệm tuyệt đối
- B. Đồng nhất vật chất nói chung với một dạng cụ thể hữu hình, cảm tính của vật chất.
- C. Đồng nhất vật chất với khối lượng
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: B

Câu 47: Đâu không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật trước Mác?

- A. Khẳng định khởi nguyên của thế giới là vật chất
- B. Tất cả các đáp án
- C. Vật chất tồn tại dưới dạng những vật thể cụ thể
- D. Vật chất là phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan.

Đáp án: D

Câu 48: Những phát minh của các nhà khoa học cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trong lĩnh vực vật lý chứng tỏ điều gì?

- A. Vật chất bị tiêu tan
- B. Giới hạn nhận thức của con người bị tiêu tan
- C. Vận động bị tiêu tan
- D. Tất cả các phương án

Đáp án: B

Câu 49: Đâu là quan niệm về vật chất của triết học Mác I- Lênin?

- A. Đồng nhất vật chất với 1 dạng cụ thể của nó
- B. Không đồng nhất vật chất với vật thể
- C. Coi vật chất tồn tại tách rời các dạng cụ thể của vật chất
- D. Coi vật chất lệ thuộc hoàn toàn vào ý thức

Đáp án: B

Câu 50: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất với tư cách là phạm trù triết học được hiểu như thế nào?

- A. Vật chất vô hạn, vô tận, vĩnh viễn tồn tại
- B. Vật chất được sinh ra và bị mất đi
- C. Vật chất có giới hạn
- D. Vật chất được đồng nhất với vật thể

Đáp án: A

Câu 51: Trong định nghĩa vật chất của Lênin, thuộc tính nào là cơ bản nhất phân biệt vật chất với ý thức?

- A. Thực tại khách quan
- B. Vận động và biến đổi

C. Có khối lượng và quãng tính

D. Không có khối lượng

Đáp án: A

Câu 52: Theo định nghĩa vật chất của Lênin, khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Vật chất tồn tại bên ngoài ý thức con người và thông qua các dạng cụ thể

B. Vật chất tồn tại vĩnh viễn, tách rời với các dạng cụ thể của vật chất

C. Đồng nhất vật chất với một dạng cụ thể của vật chất

D. Vật chất tồn tại phụ thuộc ý thức con người

Đáp án: A

Câu 53: Trường phái triết học nào quan niệm “Vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cổ hữu của vật chất”?

A. Chủ nghĩa duy tâm

B. Chủ nghĩa duy vật thời cổ đại

C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: D

Câu 54: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, không gian có đặc điểm gì?

A. Mang tính chủ quan

B. Phụ thuộc vào ý niệm tuyệt đối

C. Là hình thức tồn tại của vật chất

D. Tất cả các đáp án

Đáp án: C

Câu 55: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

A. Không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất, không tách rời vật chất

B. Không gian và thời gian phụ thuộc với cảm giác của con người

C. Không gian thuần túy ngoài vật chất

D. Thời gian tồn tại thuần túy ngoài vật chất

Đáp án: A

Câu 56: Đâu không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

A. Chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất

B. Mọi bộ phận của thế giới vật chất đều liên hệ, chuyển hóa lẫn nhau

C. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, vĩnh viễn, vô hạn, vô tận, không do ai sinh ra và không mất đi

D. Thế giới vật chất bao gồm những bộ phận riêng biệt nhau

Đáp án: D

Câu 57: Quan điểm nào cho rằng “ý niệm tuyệt đối” là bản thể sinh ra toàn bộ thế giới hiện thực?

A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Đáp án: B

Câu 58: Quan điểm nào tuyệt đối hoá vai trò của cảm giác, coi cảm giác là tồn tại duy nhất sinh ra thế giới vật chất?

- A. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- B. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật cổ đại

Đáp án: A

Câu 59: Nhân tố nào làm con người tách khỏi thế giới động vật?

- A. Hoạt động sinh sản duy trì nòi giống
- B. Lao động
- C. Hoạt động phản ánh
- D. Hoạt động tình thần

Đáp án: B

Câu 60: Để phản ánh khái quát hiện thực khách quan và trao đổi thông tin thì con người cần có gì?

- A. Công cụ lao động
- B. Đổi tượng lao động
- C. Ngôn ngữ
- D. Công cụ lao động và đổi tượng lao động

Đáp án: C

Câu 61: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc nào là trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức?

- A. Sự tác động của tự nhiên vào bộ óc con người
- B. Lao động, thực tiễn xã hội
- C. Bộ não người và hoạt động của nó
- D. Sự tác động của tự nhiên vào bộ óc con người và giới tự nhiên

Đáp án: B

Câu 62: Chỉ ra sự khác nhau cơ bản giữa phản ánh ý thức và các hình thức phản ánh khác của thế giới vật chất?

- A. Tính đúng đắn trung thực với vật phản ánh
- B. Tính sáng tạo năng động, sáng tạo
- C. Tính sai lệch với vật phản ánh
- D. Tính bị quy định bởi thế giới tự nhiên

Đáp án: B

Câu 63: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng ý thức tác động đến vật chất như thế nào?

- A. Ý thức tự nó có thể làm thay đổi được hiện thực
- B. Ý thức tác động đến vật chất thông qua hoạt động thực tiễn
- C. Ý thức tác động đến vật chất một cách thụ động
- D. Ý thức quyết định vật chất

Đáp án: B

Câu 64: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Tuyệt đối hoá vai trò của ý thức
- B. Tuyệt đối hoá vai trò của vật chất, phủ nhận tính độc lập tương đối của ý thức
- C. Khẳng định vật chất quyết định nội dung, hình thức và bản chất của ý thức
- D. Phủ nhận tính độc lập tương đối của ý thức

Đáp án: C

Câu 65: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật siêu hình?

- A. Tuyệt đối hoá vai trò của ý thức
- B. Khẳng định ý thức sinh ra tất cả, còn vật chất chỉ là bản sao
- C. Tuyệt đối hoá vai trò của vật chất, phủ nhận tính độc lập tương đối của ý thức
- D. Vật chất quyết định ý thức và ý thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất.

Đáp án: C

Câu 66: Chỉ ra đặc điểm của mối liên hệ phổ biến theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Là những quy định bên ngoài, có tính ngẫu nhiên của sự vật
- B. Là sự tác động lẫn nhau giữa các sự vật mang tính ngẫu nhiên
- C. Là sự tác động, sự chuyển hóa lẫn nhau của các sự vật, hiện tượng mang tính chủ quan
- D. Là sự tác động, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật và giữa các mặt của sự vật.

Đáp án: D

Câu 67: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự phân loại các mối liên hệ có đặc điểm gì?

- A. Mang tính tương đối
- B. Mang tính tuyệt đối
- C. Mang tính bất biến
- D. Mang tính chủ quan

Đáp án: A

Câu 68: Theo quan điểm duy vật biện chứng, cái riêng là gì?

- A. Dùng để chỉ mặt, thuộc tính không có ở bất kỳ sự vật, hiện tượng nào
- B. Dùng để chỉ để các mặt, các thuộc tính chỉ có ở một sự vật, hiện tượng
- C. Dùng để chỉ các mặt, các thuộc tính lặp lại trong nhiều sự vật, hiện tượng
- D. Là phạm trù triết học dùng để chỉ một sự vật, hiện tượng nhất định

Đáp án: D

Câu 69: Theo quan điểm duy vật biện chứng, cái đơn nhất là gì?

- A. Chỉ các mặt, thuộc tính có ở tất cả các sự vật, hiện tượng
- B. Là phạm trù triết học dùng để chỉ các mặt, các đặc điểm chỉ vốn có ở một sự vật, hiện tượng nào đó, mà không lặp lại ở sự vật, hiện tượng nào khác
- C. Chỉ các mặt, các thuộc tính lặp lại trong nhiều sự vật, hiện tượng
- D. Chỉ nhiều mặt, nhiều thuộc tính

Đáp án: B

Câu 70: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- A. Cái chung là cái bộ phận
- B. Muốn nhận thức cái chung thì phải đi từ cái riêng

- C. Cái riêng là cái toàn thể
- D. Cái chung không gia nhập hết vào cái riêng

Đáp án: D

Câu 71: Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây sai?

- A. Cái riêng là chỉ một sự vật, hiện tượng, quá trình riêng lẻ nhất định
- B. Cái chung không phụ thuộc vào cái riêng và sinh ra cái riêng
- C. Cái đơn nhất và cái chung không chuyển hóa cho nhau
- D. Cái riêng lớn hơn cái chung

Đáp án: B

Câu 72: Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây là sai?

- A. Cái chung tồn tại trong những cái riêng; thông qua những cái riêng mà cái chung biểu hiện sự tồn tại
- B. Cái riêng là cái toàn bộ còn cái chung là cái bộ phận
- C. Cái riêng tồn tại độc lập so với cái chung
- D. Cái đơn nhất và cái chung có thể chuyển hóa qua lại lẫn nhau

Đáp án: C

Câu 73: Theo quan điểm duy vật biện chứng, nguyên nhân được hiểu như thế nào?

- A. Là phạm trù chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt hay giữa các sự vật nhằm gây ra một sự biến đổi nhất định kèm theo
- B. Là một sự vật, hiện tượng sinh ra sự vật hiện tượng khác
- C. Là cái có sau kết quả
- D. Đồng nhất với nguyên cớ và điều kiện

Đáp án: A

Câu 74: Nguyên nhân, nguyên cớ và điều kiện có quan hệ như thế nào?

- A. Khác nhau nhưng có mối liên hệ với nhau
- B. Hoàn toàn giống nhau
- C. Tồn tại độc lập với nhau
- D. Nguyên nhân, nguyên cớ sinh ra điều kiện

Đáp án: A

Câu 75: Chỉ ra quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả?

- A. Nguyên nhân không ảnh hưởng đến kết quả
- B. Nguyên nhân sinh ra kết quả
- C. Nguyên nhân không có mối liên hệ nhiều đến kết quả
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: B

Câu 76: Chỉ ra quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguyên nhân và kết quả?

- A. Nguyên nhân có trước kết quả
- B. Sự phân biệt giữa nguyên nhân và kết quả mang tính tuyệt đối
- C. Nguyên nhân xuất hiện sau kết quả
- D. Một nguyên nhân chỉ sinh ra một kết quả

Đáp án: A

Câu 77: Theo quan điểm của Triết học Mác-Lênin, bản chất là gì?

- A. Là phạm trù triết học dùng để chỉ tổng thể các mối liên hệ khách quan, tất nhiên, tương đối ổn định bên trong, quy định sự vận động, phát triển của đối tượng
- B. Chỉ những biểu hiện của các mặt, mối liên hệ tất nhiên tương đối ổn định ở bên ngoài
- C. Chỉ tổng thể tất cả các mặt, yếu tố tạo nên sự vật, hiện tượng
- D. Chỉ phương thức tồn tại, biểu hiện và phát triển của sự vật, hiện tượng

Đáp án: A

Câu 78: Đâu không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Chất là phạm trù triết học
- B. Chất chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật
- C. Chất là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính làm cho sự vật là nó chứ không phải cái khác
- D. Chất biến đổi nhanh, lượng biến đổi chậm

Đáp án: D

Câu 79: Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây sai?

- A. Lượng là tính quy định khách quan vốn của sự vật
- B. Lượng nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật
- C. Lượng phụ thuộc vào ý chí của con người
- D. Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật

Đáp án: C

Câu 80: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong giới tự nhiên
- B. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong xã hội
- C. Mâu thuẫn tồn tại trong cả tự nhiên, xã hội, tư duy
- D. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong tư duy

Đáp án: C

Câu 81: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về quy luật mâu thuẫn?

- A. Có thống nhất của các mặt đối lập nhưng không có đấu tranh giữa chúng
- B. Trong mâu thuẫn biện chứng sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập không tách rời nhau
- C. Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập luôn tách rời nhau
- D. Thống nhất của các mặt đối lập là tuyệt đối, đấu tranh giữa chúng là tương đối

Đáp án: B

Câu 82: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng ?

- A. Đấu tranh giữa các mặt đối lập là tạm thời
- B. Đấu tranh giữa các mặt đối lập là tuyệt đối
- C. Đấu tranh giữa các mặt đối lập là tương đối
- D. Đấu tranh giữa các mặt đối lập vừa tạm thời và tương đối

Đáp án: B

Câu 83: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Mâu thuẫn biện chứng là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập giữa các sự vật, hiện tượng
- B. Mâu thuẫn biện chứng phụ thuộc ý muốn con người
- C. Mâu thuẫn biện chứng là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập trong một sự vật và giữa các sự vật với nhau
- D. Mâu thuẫn biện chứng là có nguyên nhân từ bên ngoài

Đáp án: C

Câu 84: Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Các mặt đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau
- B. Các mặt đối lập không đấu tranh mà luôn thống nhất với nhau
- C. Các mặt đối lập không đấu tranh và thống nhất với nhau
- D. Các mặt đối lập không đấu tranh mà luôn thống nhất với nhau

Đáp án: A

Câu 85: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- A. Phủ định biện chứng xoá bỏ cái cũ hoàn toàn
- B. Phủ định biện chứng không xoá bỏ cái cũ
- C. Phủ định biện chứng loại bỏ những yếu tố không thích hợp của cái cũ
- D. Phủ định biện chứng giữ lại và cải biến những yếu tố thích hợp của cái cũ

Đáp án: A

Câu 86: Chỉ ra đặc điểm của kế thừa biện chứng?

- A. Xóa bỏ hoàn toàn cái cũ
- B. Kế thừa toàn bộ cái cũ
- C. Kế thừa những yếu tố thích hợp và loại bỏ yếu tố không thích hợp
- D. Kế thừa những yếu tố tiêu cực

Đáp án: C

Câu 87: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng tuân theo đường nào?

- A. Đường cong
- B. Đường thẳng
- C. Đường xoáy ốc
- D. Đường tròn khép kín

Đáp án: C

Câu 88: Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây sai?

- A. Thực tiễn là nguồn gốc của nhận thức
- B. Thực tiễn là động lực của nhận thức
- C. Thực tiễn là hoạt động vật chất và tinh thần của con người
- D. Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra tính chân lý của nhận thức

Đáp án: C

Câu 89: Đâu không phải là nội dung của nguyên tắc thực tiễn?

- A. Yêu cầu xem xét sự vật, hiện tượng phải luôn gắn với nhu cầu của thực tiễn
- B. Coi trọng tổng kết thực tiễn
- C. Gắn lý luận với thực tiễn
- D. Tách lý luận khỏi thực tiễn

Đáp án: D

Câu 90: Đâu là nội dung thuộc về nguyên tắc thực tiễn?

- A. Cần tách rời lý luận với thực tiễn
- B. Coi trọng lý luận hơn thực tiễn
- C. Coi trọng thực tiễn hơn lý luận
- D. Gắn lý luận với thực tiễn

Đáp án: D

Câu 91: Thêm cụm từ thích hợp vào câu sau để được định nghĩa về vật chất của Lênin: “Vật chất là..(1).. dùng để chỉ..(2).. được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”?

- A. 1- Vật thể, 2- hoạt động
- B. 1- Phạm trù triết học, 2- Thực tại khách quan
- C. 1- Phạm trù triết học, 2 \- Một vật thể
- D. 1- Phạm trù triết học, 2 \- các sự vật

Đáp án: B

Câu 92: Luận điểm “Vật chất là cái được cảm giác chúng ta chép lại, phản ánh lại” được hiểu như thế nào?

- A. Cảm giác, ý thức của chúng ta có khả năng nhận thức được thế giới
- B. Cảm giác, ý thức của chúng ta không thể nhận thức đúng thế giới
- C. Cảm giác, ý thức phản ánh thụ động thế giới vật chất
- D. Cảm giác của con người không thể phản ánh đúng thế giới vật chất

Đáp án: A

Câu 93: Định nghĩa vật chất của Lênin có ý nghĩa như thế nào?

- A. Phân biệt sự khác nhau giữa khái niệm vật chất với tư cách là phạm trù triết học với khái niệm vật chất với tư cách là phạm trù của các khoa học chuyên ngành
- B. Khẳng định tính thứ nhất của vật chất, tính thứ hai của ý thức, khẳng định khả năng con người có thể nhận thức được thực tại khách quan
- C. Khắc phục hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật cũ, cung cấp căn cứ khoa học để xác định cái gì thuộc về vật chất
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: D

Câu 94: Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm duy vật biện chứng: “Không gian và thời gian....”?

- A. Chỉ là cảm giác của con người
- B. Gắn liền với nhau và với vật chất vận động
- C. Tồn tại độc lập với vật chất vận động
- D. Tồn tại tách rời nhau

Đáp án: B

Câu 95: Trong định nghĩa vật chất, Lênin khẳng định vật chất được cảm giác của con người chép lại, chụp lại, phản ánh là muốn khẳng định điều gì?

- A. Vật chất tác động lên con người
- B. Vật chất tồn tại khách quan
- C. Con người có khả năng nhận thức được thế giới khách quan

D. Tất cả các đáp án

Đáp án: C

Câu 96: Nội dung “Được đem lại cho con người trong cảm giác” trong định nghĩa vật chất của Lênin diễn tả điều gì?

- A. Ý thức có trước vật chất
- B. Con người có khả năng nhận thức thế giới vật chất
- C. Ý thức là sự phản ánh lại vật chất
- D. Con người không có khả năng nhận thức thế giới vật chất

Đáp án: C

Câu 97: Trường phái nào quan niệm: “Trong nhận thức và hoạt động thực tiễn phải lấy hiện thực khách quan làm căn cứ”?

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy tâm
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa kinh nghiệm

Đáp án: A

Câu 98: Nghiên cứu mối quan hệ giữa vật chất và ý thức cho thấy trong hoạt động nhận thức và thực tiễn chúng ta phải làm gì?

- A. Xuất phát từ mong muốn chủ quan của con người mà không cần quan tâm đến hoàn cảnh
- B. Xuất phát từ ý muốn của con người, phát huy tính năng động chủ quan
- C. Chỉ cần xuất phát từ ý muốn chủ quan của con người
- D. Xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan đồng thời phát huy tính năng động chủ quan.

Đáp án: D

Câu 99: Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan được rút ra từ nội dung lý luận nào?

- A. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức
- B. Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất
- C. Tính năng động, sáng tạo của ý thức
- D. Tính chủ quan của ý thức con người

Đáp án: A

Câu 100: Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải phát huy tính năng động chủ quan được rút ra từ nội dung lý luận nào?

- A. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức
- B. Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định vật chất
- C. Bản chất năng động, sáng tạo của ý thức
- D. Sự tác động qua lại giữa vật chất và ý thức

Đáp án: C

Câu 101: Bổ sung để được một khẳng định đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: “Các sự vật, hiện tượng...”?

- A. Chỉ có những quan hệ bề ngoài mang tính ngẫu nhiên
- B. Không thể chuyển hóa lẫn nhau trong những điều kiện nhất định

- C. Có mối liên hệ, quy định, ràng buộc lẫn nhau
- D. Tồn tại biệt lập, tách rời nhau trong sự phát triển

Đáp án: C

Câu 102: Cơ sở nào tạo nên mối liên hệ phổ biến của các sự vật, hiện tượng?

- A. Do tính thống nhất vật chất của thế giới
- B. Do khả năng nhận thức sáng tạo của chủ thể
- C. Do sự tồn tại độc lập giữa các sự vật, hiện tượng
- D. Sự tồn tại của thế giới tinh thần

Đáp án: A

Câu 103: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các mối liên hệ có các tính chất nào?

- A. Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng, phong phú
- B. Tính khách quan, tính phổ biến, tính một mặt
- C. Tính chủ quan và tính cụ thể
- D. Tính phổ biến, tính chủ quan, tính đa dạng, phong phú

Đáp án: A

Câu 104: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguyên tắc toàn diện, luận điểm nào sau đây là đúng?

- A. Là chỉ nhìn một chiều mà không thấy mặt khác
- B. Là đánh tráo các mối liên hệ cơ bản thành không có bản
- C. Là lắp ghép vô nguyên tắc các mối liên hệ trái ngược nhau
- D. Đòi hỏi khi nghiên cứu đối tượng cần đặt nó trong chỉnh thể thống nhất của tất cả các mặt, các mối liên hệ

Đáp án: D

Câu 105: Đâu không phải là nội dung của nguyên tắc toàn diện?

- A. Khi nghiên cứu đối tượng cần đặt nó trong chỉnh thể thống nhất của tất cả các mặt, các mối liên hệ
- B. Phải rút ra được các mặt, các mối liên hệ tất yếu và nhận thức chúng trong sự thống nhất hữu cơ
- C. Cần xem xét đối tượng này trong mối liên hệ với đối tượng
- D. Chỉ nhìn một chiều, thấy mặt này mà không thấy mặt khác

Đáp án: D

Câu 106: Thêm cụm từ nào vào câu sau để được luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: "Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển có...?"

- A. Đồng nhất với nhau một cách hoàn toàn
- B. Độc lập với nhau một cách hoàn toàn
- C. Quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng không đồng nhất với nhau.
- D. Tách biệt với nhau tương đối

Đáp án: C

Câu 107: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Ý muốn chủ quan của con người quy định sự phát triển của sự vật, hiện tượng
- B. Nguồn gốc của sự phát triển nằm ngay trong bản thân sự vật

- C. Phát triển chỉ đơn thuần là sự tăng lên về lượng
- D. Phát triển chỉ tất cả sự vận động nói chung

Đáp án: B

Câu 108: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống: “cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ, được lặp lại trong nhiều sự vật hay quá trình riêng lẻ”?

- A. Một sự vật, một quá trình
- B. Những mặt, những thuộc tính
- C. Những mặt, những thuộc tính không đồng nhất
- D. Một hiện tượng, một sự vật, không liên hệ với nhau

Đáp án: B

Câu 109: Đưa ra quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về đặc điểm của cái đơn nhất?

- A. Tồn tại phổ biến ở nhiều sự vật, hiện tượng
- B. Tồn tại ở một sự vật, hiện tượng mà không lặp lại ở sự vật, hiện tượng nào khác
- C. Tồn tại ở tất cả các sự vật, hiện tượng
- D. Không liên quan đến cái chung, cái riêng

Đáp án: B

Câu 110: Điền vào chỗ trống: V.I.Lênin viết: “Cái riêng chỉ tồn tại trong mối liên hệ đưa đến ...”?

- A. Cái chung
- B. Cái bản thể
- C. Cái đơn nhất
- D. Cái đặc thù

Đáp án: A

Câu 111: Điền các từ đúng vào chỗ trống sau: “Cái ... tồn tại trong... và thông qua cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình”?

- A. Cái chung / cái riêng
- B. Cái riêng / cái chung
- C. Cái chung / Cái đơn nhất
- D. Cái đơn nhất / cái riêng

Đáp án: A

Câu 112: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống: “Cái... là bộ phận nhưng sâu sắc hơn cái...”?

- A. Riêng/Chung
- B. Chung/Toàn diện
- C. Riêng/Bộ phận
- D. Chung/Riêng

Đáp án: D

Câu 113: Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống, V.I.Lênin viết: “Bất cứ ... nào cũng chỉ bao quát một cách đại khái tất cả mọi vật riêng lẻ”?

- A. Cái riêng
- B. Cái đơn nhất
- C. Cái chung

D. Cái đặc thù

Đáp án: C

Câu 114: Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống, V.I.Lênin viết: “Bất cứ ... nào cũng không gia nhập đầy đủ vào cái chung”?

- A. Cái riêng
- B. Cái đơn nhất
- C. Cái chung
- D. Cái đặc thù

Đáp án: A

Câu 115: Chỉ ra ý nghĩa phương pháp luận được rút ra từ mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?

- A. Muốn rút ra cái chung phải thông qua nhiều cái riêng
- B. Muốn rút ra cái chung không cần phải thông qua cái riêng
- C. Cái chung luôn luôn tồn tại độc lập với cái riêng
- D. Chỉ cần quan tâm đến cái riêng mà không cần quan tâm đến cái chung

Đáp án: A

Câu 116: Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhận định nào sau đây là sai?

- A. Cần phải cá biệt hoá cái chung cho phù hợp với đặc điểm của từng trường hợp cụ thể
- B. Trong hoạt động thực tiễn cần phải tạo điều kiện để “cái đơn nhất” có lợi trở thành “cái chung” và “cái chung” bất lợi trở thành “cái đơn nhất”
- C. Khi sử dụng một kinh nghiệm nào đó trong điều kiện khác thì chỉ nên rút ra những mặt chung đối với trường hợp đó.
- D. Trong hoạt động thực tiễn cần phải tạo điều kiện thuận lợi để “cái đơn nhất” bất lợi trở thành “cái chung” và “cái chung” có lợi trở thành “cái đơn nhất”

Đáp án: D

Câu 117: Tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống: “Trong hoạt động thực tiễn có thể và cần phải tạo điều kiện thuận lợi để cái đơn nhất có lợi cho con người trở thành...và... bất lợi trở thành cái đơn nhất”?

- A. Cái chung/cái chung
- B. Cái riêng/ cái riêng
- C. Cái đơn nhất/ cái đơn nhất
- D. Cái chung/ cái riêng

Đáp án: A

Câu 118: Bài học: “Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải xuất phát từ tình hình cụ thể của từng đất nước” được rút ra từ luận điểm nào?

- A. Áp dụng cái chung vào cái riêng phải chú ý đến hoàn cảnh cụ thể
- B. Áp dụng cái chung vào cái riêng một cách phiến diện
- C. Áp dụng cái riêng phải dựa vào cái chung
- D. Áp dụng cái chung vào cái riêng không cần xem xét đến cái đặc thù

Đáp án: A

Câu 119: Lựa chọn từ đúng vào chỗ trống, theo chủ nghĩa duy vật biện chứng: “Muốn xác định nguyên nhân của một hiện tượng nào đó, chúng ta phải tìm những mối liên hệ giữa những sự kiện xảy ra . . .”?

- A. Sau khi hiện tượng này xuất hiện
- B. Trước khi hiện tượng này xuất hiện
- C. Trong khi hiện tượng này xuất hiện
- D. Đồng thời với hiện tượng này

Đáp án: B

Câu 120: Điền vào chỗ trống: “Muốn loại bỏ một sự vật, hiện tượng nào đó không cần thiết, thì phải”?

- A. Loại bỏ nguyên nhân gián tiếp sinh ra nó
- B. Loại bỏ nguyên nhân sinh ra nó
- C. Loại bỏ nguyên nhân chủ quan sinh ra nó
- D. Loại bỏ nguyên nhân bên ngoài sinh ra nó

Đáp án: B

Câu 121: Theo quan điểm của Triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả, khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Một nguyên nhân chỉ sinh ra một kết quả
- B. Nguyên nhân có thể chuyển hóa thành kết quả
- C. Mỗi sự vật, hiện tượng chỉ do một nguyên nhân sinh ra
- D. Một nguyên nhân chỉ có thể sản sinh ra hai kết quả trái ngược nhau

Đáp án: B

Câu 122: Chọn cụm từ đúng để điền vào chỗ trống: “Phản ánh là thuộc tính...”?

- A. Đặc biệt của các dạng vật chất hữu cơ
- B. Phổ biến của mọi dạng vật chất
- C. Riêng của các dạng vật chất vô cơ
- D. Duy nhất của não người

Đáp án: B

Câu 123: Chọn câu trả lời đúng nhất về “mối liên hệ”?

- A. Là phạm trù triết học dùng để chỉ các mối ràng buộc tương hỗ, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các yếu tố, bộ phận trong một đối tượng hoặc giữa các đối tượng với nhau
- B. Là khái niệm dùng để chỉ các mối ràng buộc tương hỗ, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau chỉ trong đối tượng
- C. Là phạm trù triết học dùng để chỉ các mối ràng buộc tương hỗ, quy định và ảnh hưởng chỉ giữa các đối tượng với nhau
- D. Là quá trình vận động từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, từ chất cũ đến chất mới ở trình độ cao hơn

Đáp án: A

Câu 124: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thì cái tất nhiên bao giờ cũng ... cho mình xuyên qua vô số cái ngẫu nhiên”?

- A. Phản biện
- B. Vạch đường đi
- C. Phủ nhận
- D. Bác bỏ

Đáp án: B

Câu 125: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự phù hợp giữa nội dung và hình thức bao giờ cũng là sự phù hợp ...”?

- A. Tuyệt đối
- B. Vĩnh viễn
- C. Tạm thời
- D. Bất biến

Đáp án: C

Câu 126: Đâu không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Cần phải căn cứ vào cái tất nhiên chứ không thể dựa vào ngẫu nhiên
- B. Có thể chỉ ra tất nhiên bằng cách nghiên cứu những ngẫu nhiên mà tất nhiên phải đi qua
- C. Không nên bỏ qua ngẫu nhiên mà phải có những phương án dự phòng trường hợp các sự cố ngẫu nhiên bất ngờ xuất hiện
- D. Tất nhiên tồn tại độc lập với ngẫu nhiên

Đáp án: D

Câu 127: Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, chúng ta phải làm gì?

- A. Phải căn cứ vào cái tất nhiên nhưng đồng thời phải tính đến cái ngẫu nhiên
- B. Phủ nhận, gạt bỏ cái tất nhiên
- C. Phủ nhận, gạt bỏ cái ngẫu nhiên
- D. Chỉ căn cứ vào cái ngẫu nhiên mà không quan tâm đến cái tất nhiên

Đáp án: A

Câu 128: Câu tục ngữ “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người” thuộc nhầm để chỉ điều gì?

- A. Coi trọng hình thức hơn nội dung
- B. Coi trọng nội dung hơn hình thức
- C. Không coi trọng cả nội dung và hình thức
- D. Coi trọng nội dung và hình thức như nhau

Đáp án: B

Câu 129: Từ quy luật lượng- chất, trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần phải làm gì?

- A. Chỉ chú trọng về mặt lượng
- B. Chỉ chú trọng về mặt chất
- C. Chú trọng cả lượng và chất
- D. Tuân theo khuynh hướng tả khuynh

Đáp án: C

Câu 130: Trong nhiệm vụ đưa đất nước thoát khỏi chế độ thực dân phong kiến thì Cách mạng tháng 8/1945 là thực hiện theo hình thức bước nhảy nào?

- A. Bước nhảy cục bộ
- B. Bước nhảy toàn bộ
- C. Bước nhảy đột biến
- D. Bước nhảy tức thời

Đáp án: B

Câu 131: Trong giai đoạn 1975-1986, những sai lầm của sự chủ quan, nóng vội hay của sự bảo thủ, trì trệ của Đảng và nhà nước ta là do không tôn trọng quy luật cơ bản nào?

- A. Quy luật mâu thuẫn
- B. Quy luật lượng chất
- C. Quy luật phủ định của phủ định
- D. Quy luật đấu tranh giai cấp

Đáp án: B

Câu 132: Giai đoạn 1975-1986, Đảng và nhà nước ta đã mắc bệnh chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết trong quá trình phát triển đất nước. Vậy Đảng ta đã mắc phải sai lầm gì theo quy luật lượng - chất?

- A. Hữu khuynh
- B. Tả khuynh
- C. Tất cả các đáp án
- D. Khách quan

Đáp án: B

Câu 133: Câu thành ngữ nào không hàm chứa nội dung theo quy luật lượng- chất?

- A. Có đi có lại mới lòng nhau
- B. Róc mòn cạn ruộng
- C. Tích tiểu thành đại
- D. Có công mài sắt có ngày nên kim

Đáp án: A

Câu 134: Câu ca dao “Một cây làm chằng nên non; Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” thể hiện nội dung chính của quy luật nào?

- A. Quy luật mâu thuẫn
- B. Quy luật phủ định của phủ định
- C. Quy luật lượng chất
- D. Quy luật lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

Đáp án: C

Câu 135: Câu nói của C.Mác “Hạnh phúc là đấu tranh” muốn nhấn mạnh đến quy luật nào?

- A. Quy luật mâu thuẫn
- B. Quy luật lượng chất
- C. Quy luật phủ định của phủ định
- D. Không có đáp án đúng

Đáp án: A

Câu 136: Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm về nguồn gốc sâu xa của sự vận động phát triển của sự vật, hiện tượng như thế nào?

- A. Do cái hích của Thượng đế
- B. Do mâu thuẫn bên trong sự vật, hiện tượng
- C. Do mâu thuẫn giữa lực lượng vật chất và lực lượng tinh thần
- D. Do mâu thuẫn bên ngoài của sự vật, hiện tượng

Đáp án: B

Câu 137: Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: “Phép biện chứng cho rằng, sự đấu tranh của các mặt đối lập là... của các mặt đối lập”?

- A. Sự bài trừ, phủ định lẫn nhau

- B. Sự thủ tiêu lẫn nhau
- C. Không còn thống nhất với nhau
- D. Không còn sự thống nhất và thủ tiêu nhau

Đáp án: A

Câu 138: Việt Nam lựa chọn con đường: *“...tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa”,* nội hàm của từ “*bỏ qua*” được hiểu là?

- A. Phủ định
- B. Phủ định biện chứng
- C. Phủ định sạch sẽ (Siêu hình)
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: B

Câu 139: Trong quá trình hoạch định các chủ trương, đường lối phát triển đất nước, Đảng ta phải dựa trên cơ sở nào?

- A. Những quy luật khách quan
- B. Thực tiễn sự vận động, phát triển của xã hội
- C. Xu thế phát triển của thời đại
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: D

Câu 140: Bổ sung để được một định nghĩa đúng: “Thực tiễn là...”?

- A. Hiện thực khách quan, tồn tại bên ngoài còn người và độc lập với nhận thức của con người
- B. Toàn bộ hoạt động vật chất, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến xã hội
- C. Toàn bộ hoạt động vật chất, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến thế giới
- D. Toàn bộ hoạt động vật chất – cảm tính, có tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội phục vụ nhân loại tiến bộ

Đáp án: D

Câu 141: Ph.Ănghen nói: “Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người...con người trước hết phải cần ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo được”. Câu nói trên của C.Mác nhấn mạnh vai trò của hình thức nào?

- A. Hoạt động sản xuất vật chất
- B. Hoạt động chính trị- xã hội
- C. Hoạt động thực nghiệm khoa học
- D. Hoạt động nghệ thuật

Đáp án: A

Câu 142: Bổ sung để được một câu trả lời đúng: “Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, nhận thức là . . .”?

- A. Sự hồi tưởng lại của linh hồn bất tử về thế giới
- B. Phản ánh hiện thực khách quan một cách sáng tạo
- C. Sao chép nguyên xi hiện thực khách quan vào bộ não con người
- D. Hoàn toàn tính chủ quan của con người

Đáp án: B

Câu 143: Đâu không phải là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

- A. Nhận thức là quá trình tạo thành tri thức về thế giới khách quan trong bộ óc con người
- B. Nhận thức là quá trình phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc người
- C. Nhận thức là quá trình phản ánh nguyên xi sự vật, hiện tượng vào trong đầu óc con người
- D. Nhận thức là một quá trình biện chứng có vận động và phát triển

Đáp án: C

Câu 144: Chỉ ra quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm về cảm giác?

- A. Là hình thức đầu tiên đưa lại cho con người những thông tin trực tiếp, đơn giản nhất về một thuộc tính riêng lẻ
- B. Cho ta hình ảnh về sự vật trọn vẹn
- C. Là hình ảnh sự vật được tái hiện trong óc nhờ trí nhớ
- D. Là hình thức phản ánh khái quát, gián tiếp sự vật

Đáp án: A

Câu 145: Điền từ thích hợp vào chỗ trống, theo V.I.Lênin: “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là ...của lý luận nhận thức”

- A. Thứ hai
- B. Quan điểm thứ nhất và cơ bản
- C. Quan điểm cơ bản
- D. Quan điểm đầu tiên

Đáp án: B

Câu 146: Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, “chân lý là tri thức phù hợp với hiện thực khách quan mà con người... và được... kiểm nghiệm”?

- A. Sáng tạo/ nhận thức
- B. Phản ánh/ thực tiễn
- C. Lao động/ thực tế
- D. Nhận thức/ thực tiễn

Đáp án: B

Câu 147: Điền cụm từ còn thiếu vào chỗ trống: “Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất - cảm tính, có ... của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội phục vụ nhân loại tiến bộ”?

- A. Có cơ sở
- B. Có động lực
- C. Tính lịch sử - xã hội
- D. Có nguồn gốc, mang tính lịch sử - xã hội

Đáp án: C

Câu 148: Phạm trù triết học dùng để chỉ những gì hiện chưa có, nhưng sẽ có, sẽ tới khi có các điều kiện tương ứng gọi là gì?

- A. Hiện thực
- B. Khả năng
- C. Tất nhiên
- D. Ngẫu nhiên

Đáp án: B

Câu 149: Phạm trù triết học dùng để chỉ những gì đang có, đang tồn tại gọi là gì?

- A. Hiện thực
- B. Khả năng
- C. Kết quả
- D. Hệ quả

Đáp án: A

Câu 150: Chọn phán đoán đúng về mối quan hệ giữa khả năng và hiện thực?

- A. Khả năng và hiện thực tồn tại tách rời nhau, không chuyển hóa cho nhau
- B. Khả năng và hiện thực luôn luôn chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển
- C. Hiện thực sinh ra khả năng, khả năng biến thành hiện thực
- D. Cả B và C

Đáp án: D

Câu 151: Để biến khả năng thành hiện thực, bên cạnh các điều kiện khách quan, cần có nhân tố nào?

- A. Nhân tố chủ quan của con người
- B. Sự can thiệp của lực lượng siêu nhiên
- C. Sự ngẫu nhiên
- D. Thời cơ may mắn

Đáp án: A

Câu 152: Ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ mối quan hệ giữa khả năng và hiện thực là gì?

- A. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào khả năng
- B. Trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào hiện thực, không được dựa vào khả năng
- C. Chỉ quan tâm đến hiện thực, bỏ qua khả năng
- D. Dựa vào mong muốn chủ quan

Đáp án: B

Câu 153: Loại khả năng nào được hình thành do các tương tác ngẫu nhiên quy định?

- A. Khả năng tất nhiên
- B. Khả năng ngẫu nhiên
- C. Khả năng thực tế
- D. Khả năng trừu tượng

Đáp án: B

Câu 154: Loại khả năng nào chưa có đủ điều kiện cần thiết để biến thành hiện thực ngay lúc này?

- A. Khả năng thực tế
- B. Khả năng tất nhiên
- C. Khả năng ngẫu nhiên
- D. Khả năng trừu tượng (hình thức)

Đáp án: D

Câu 155: Trong cùng một sự vật và trong cùng một thời điểm có thể tồn tại bao nhiêu khả năng?

- A. Chỉ một nhận năng duy nhất
- B. Nhiều khả năng khác nhau

- C. Không có khả năng nào
- D. Chỉ hai khả năng đối lập

Đáp án: B

Câu 156: Yếu tố nào đóng vai trò quyết định nhất trong việc biến khả năng thành hiện thực trong đời sống xã hội?

- A. Hoàn cảnh khách quan thuận lợi
- B. Sự nỗ lực chủ quan của con người
- C. Sự tác động của thần linh
- D. Sự may mắn ngẫu nhiên

Đáp án: B

Câu 157: Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi...”. Quan điểm này vận dụng cắp phạm trù nào để cải tạo hiện thực?

- A. Phủ định của phủ định
- B. Khả năng và Hiện thực
- C. Nguyên nhân và Kết quả
- D. Tắt nhiên và Ngẫu nhiên

Đáp án: B

CHƯƠNG 3

Câu 1: Điền thêm từ để hoàn thiện nhận định sau đây của V.I.Lênin: “Chủ nghĩa Mác đã mở đường cho việc nghiên cứu rộng rãi và toàn diện quá trình phát sinh, phát triển và suy tàn của...”?

- A. Các hệ thống vật chất trong giới tự nhiên
- B. Các quá trình kinh tế và chính trị - tự nhiên
- C. Các sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy
- D. Các hình thái kinh tế- xã hội

Đáp án: D

Câu 2: Chỉ ra nguồn gốc sâu xa của sự vận động phát triển của xã hội?

- A. Sự phát triển của kiến trúc thượng tầng
- B. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng
- C. Sự phát triển của quan hệ sản xuất
- D. Sự phát triển của lực lượng sản xuất

Đáp án: D

Câu 3: Điền thêm từ để hoàn thiện nhận định sau đây và xác định đó là nhận định của ai: “Điểm khác biệt căn bản giữa xã hội loài người với xã hội loài vật là ở chỗ: loài vật may mắn lăm chém hái lượm trong khi con người lại...(2)...”?

- A. Biết sáng tạo/Ph.Ăngghen
- B. Sản xuất/Ph.Ăngghen
- C. Tiến hành lao động/C.Mác
- D. Tư duy/V.I.Lênin

Đáp án: B

Câu 4: Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm duy vật lịch sử về vai trò của sản xuất vật chất?

- A. Nền tảng của xã hội
- B. Nền tảng vật chất của xã hội
- C. Nền tảng tinh thần của xã hội
- D. Nền tảng kỹ thuật, công nghệ của xã hội

Đáp án: B

Câu 5: Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ nào?

- A. Mối quan hệ giữa con người với con người trong sở hữu tư liệu sản xuất
- B. Mối quan hệ giữa các yếu tố tinh thần
- C. Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, khả năng chinh phục tự nhiên của con người
- D. Mối quan hệ giữa con người với con người trong phân phối sản phẩm

Đáp án: C

Câu 6: Đặc điểm của “phương thức sản xuất” dùng để chỉ:

- A. Cách thức tiến hành sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người
- B. Quá trình sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn lịch sử nhất định
- C. Cơ chế vận hành kinh tế trong các điều kiện lịch sử của xã hội
- D. Quá trình sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn l/sử nhất định; Cơ chế vận hành kinh tế trong các điều kiện lịch sử của xã hội

Đáp án: A

Câu 7: Loại hình sản xuất nào là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội?

- A. Sản xuất vật chất
- B. Sản xuất tinh thần
- C. Sản xuất ra bản thân con người
- D. Sản xuất tinh thần và sản xuất ra bản thân con người

Đáp án: A

Câu 8: Nội dung vật chất của quá trình sản xuất gồm những nhân tố nào?

- A. Nhà xưởng, máy móc, công cụ lao động
- B. Người lao động và tư liệu sản xuất
- C. Người lao động và đối tượng lao động
- D. Tư liệu lao động và đối tượng lao động

Đáp án: B

Câu 9: Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, mối quan hệ nào là cơ bản, đầu tiên, chủ yếu, quyết định mọi quan hệ xã hội khác?

- A. Quan hệ tình cảm
- B. Quan hệ huyết thống
- C. Quan hệ sản xuất
- D. Quan hệ tôn giáo

Đáp án: C

Câu 10: Chỉ ra mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong một phương thức sản xuất?

- A. Là quan hệ giữa ngẫu nhiên/ tất nhiên
- B. Là quan hệ giữa nguyên nhâ/ kết quả
- C. Là quan hệ giữa nội dung/ hình thức
- D. Là quan hệ giữa bản chất/ hiện tượng

Đáp án: C

Câu 11: Cơ sở hạ tầng là khái niệm dùng để chỉ những yếu tố nào?

- A. Toàn bộ đất đai, máy móc, phương tiện để sản xuất
- B. Toàn bộ những quan hệ sản xuất của một xã hội trong sự vận động hiện thực của chúng hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội đó
- C. Toàn bộ cơ sở hạ tầng vật chất- kỹ thuật của một khu dân cư nhất định
- D. Toàn bộ đất đai, máy móc, phương tiện để sản xuất; Toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định

Đáp án: B

Câu 12: Khái niệm kiến trúc thương天堂 dùng để chỉ nhữn yếu tố nào?

- A. Toàn bộ thiết chế chính trị của xã hội
- B. Toàn bộ thiết chế chính trị và pháp luật của xã hội
- C. Toàn bộ thiết chế chính trị- xã hội
- D. Toàn bộ những quan điểm, tư tưởng xã hội với những thiết chế xã hội tương ứng cùng những quan hệ nội tại của thương天堂 hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định

Đáp án: D

Câu 13: Những quan điểm, tư tưởng của xã hội là thuộc phạm trù nào?

- A. Kiến trúc thương天堂
- B. Quan hệ sản xuất
- C. Cơ sở hạ tầng
- D. Tôn tại xã hội

Đáp án: A

Câu 14: Sự tác động của kiến trúc thương天堂 đối với cơ sở hạ tầng diễn ra như thế nào?

- A. Luôn diễn ra theo chiều hướng tích cực
- B. Luôn diễn ra theo chiều hướng tiêu cực
- C. Tiêu cực là cơ bản và đôi khi theo chiều hướng tích cực
- D. Diễn ra theo chiều hướng tích cực và tiêu cực

Đáp án: D

Câu 15: Chỉ ra kết cấu của một hình thái kinh tế I- xã hội?

- A. Bao gồm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- B. Bao gồm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội và kiến trúc thương天堂 được nảy sinh trên cơ sở hạ tầng đó
- C. Bao gồm lực lượng sản xuất và kiến trúc thương天堂
- D. Bao gồm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương天堂

Đáp án: B

Câu 16: Nguyên nhân trực tiếp của sự ra đời giai cấp trong xã hội?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do sự chênh lệch giữa giàu và nghèo

- C. Do sự xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- D. Do sự phát triển của công cụ lao động

Đáp án: C

Câu 17: Nguyên nhân sâu xa của sự ra đời giai cấp trong xã hội?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do sự chênh lệch giữa giàu và nghèo
- C. Do sự xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- D. Do sự phát triển của đời sống tinh thần

Đáp án: A

Câu 18: Thực chất của quan hệ giai cấp là gì?

- A. Là quan hệ giữa bóc lột và bị bóc lột
- B. Là quan hệ giữa người giàu và người nghèo
- C. Là quan hệ giữa những người đi bóc lột với nhau
- D. Là quan hệ giữa những người cùng bị bóc lột với nhau

Đáp án: A

Câu 19: Hình thức liên hệ nào là quan trọng nhất quy định đặc trưng của cộng đồng dân tộc?

- A. Cộng đồng lãnh thổ
- B. Cộng đồng kinh tế
- C. Cộng đồng ngôn ngữ
- D. Cộng đồng dân cư

Đáp án: B

Câu 20: Chỉ ra thứ tự thứ tự phát triển các hình thức cộng đồng người trong lịch sử?

- A. Bộ lạc \- Thị Tộc \- Bộ tộc \- Dân tộc
- B. Bộ lạc \- Bộ tộc \- Thị tộc \- Dân tộc
- C. Thị tộc \- Bộ lạc \- Bộ tộc \- Dân tộc
- D. Thị Tộc \- Bộ tộc \- Bộ lạc \- Dân tộc

Đáp án: C

Câu 21: Nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện giai cấp?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do sự thay đổi của quan hệ sản xuất trong xã hội
- C. Do sự xuất hiện của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- D. Do sự xuất hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

Đáp án: A

Câu 22: Phân chia giai cấp trong xã hội bắt đầu từ hình thái kinh tế \- xã hội nào?

- A. Cộng sản nguyên thủy
- B. Chiếm hữu nô lệ
- C. Phong kiến
- D. Tư bản chủ nghĩa

Đáp án: B

Câu 23: Xét đến cùng, đấu tranh giai cấp có vai trò gì?

- A. Phát triển sản xuất
- B. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp
- C. Lật đổ sự áp bức của giai cấp thống trị bóc lột
- D. Giành chính quyền nhà nước

Đáp án: A

Câu 24: Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hình thức nào?

- A. Đấu tranh tư tưởng
- B. Đấu tranh kinh tế
- C. Đấu tranh chính trị
- D. Đấu tranh vũ trang

Đáp án: B

Câu 25: Hình thức cộng đồng người nào hình thành khi xã hội loài người đã bắt đầu có sự phân chia thành giai cấp?

- A. Bộ lạc
- B. Thị tộc
- C. Bộ tộc
- D. Dân tộc

Đáp án: C

Câu 26: Chức năng nào giữ vị trí quyết định, chi phối và định hướng chức năng xã hội của Nhà nước?

- A. Chức năng đối nội
- B. Chức năng đối ngoại
- C. Chức năng thống trị chính trị
- D. Chức năng trấn áp

Đáp án: C

Câu 27: Theo nghĩa rộng, cách mạng xã hội là gì?

- A. Là sự thay đổi ở một vài lĩnh vực của đời sống xã hội
- B. Là phương thức tiến hành đấu tranh của một nhóm người với mục đích giành chính quyền
- C. Là sự biến đổi có tính chất bước ngoặt và căn bản về chất trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, là phương thức chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội lỗi thời lên một hình thái kinh tế - xã hội mới ở trình độ phát triển cao hơn
- D. Tạo nên những thay đổi của đời sống xã hội

Đáp án: C

Câu 28: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, yếu tố nào đóng vai trò quan trọng nhất trong tồn tại xã hội?

- A. Điều kiện tự nhiên
- B. Phương thức sản xuất
- C. Điều kiện dân cư
- D. Điều kiện tự nhiên và điều kiện dân cư

Đáp án: B

Câu 29: Chọn câu trả lời theo quan điểm duy tâm về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội?

- A. Suy đến cùng, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- B. Suy đến cùng, ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
- C. Tồn tại trong mối quan hệ phụ thuộc vào nhau, không cái nào quyết định cái nào
- D. Tùy từng điều kiện mà xem xét cái nào quyết định cái nào

Đáp án: B

Câu 30: Học thuyết nào quan niệm ý thức xã hội luôn luôn là yếu tố phụ thuộc vào tồn tại xã hội, nó không có tính độc lập tương đối”?

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy tâm
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Đáp án: C

Câu 31: Học thuyết nào quan niệm tồn tại quyết định ý thức xã hội nhưng đồng thời ý thức xã hội lại có tính độc lập tương của nó?

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Chủ nghĩa duy vật siêu hình

Đáp án: B

Câu 32: Chỉ ra mối quan hệ giữa ý thức cá nhân với ý thức xã hội?

- A. Ý thức cá nhân độc lập với ý thức xã hội
- B. Ý thức cá nhân quyết định ý thức xã hội
- C. Ý thức cá nhân là phương thức tồn tại và biểu hiện của ý thức xã hội ở từng người
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: C

Câu 33: Tồn tại xã hội là gì?

- A. Là toàn bộ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội
- B. Là mặt tinh thần của xã hội
- C. Là bộ phận hợp thành của văn hóa tinh thần của xã hội
- D. Là toàn bộ hoạt động vật chất và tinh thần của xã hội

Đáp án: A

Câu 34: Ý thức xã hội là gì?

- A. Là mặt tinh thần của đời sống xã hội
- B. Là toàn bộ sinh hoạt vật chất
- C. Là những điều kiện sinh hoạt vật chất
- D. Là nền tảng quan trọng nhất của xã hội

Đáp án: A

Câu 35: Chỉ ra nội dung cơ bản của ý thức xã hội thông thường?

- A. Là những tri thức, những quan niệm hình thành một cách trực tiếp trong đời sống hàng ngày

- B. Là những tư tưởng, những quan điểm được tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa thành các học thuyết
- C. Là những tri thức có khả năng phản ánh hiện thực khách quan một cách sâu sắc
- D. Là những tri thức bao quát và vạch ra mối liên hệ bản chất, tất yếu mang tính quy luật của các sự vật, hiện tượng

Đáp án: A

Câu 36: Chỉ ra nội dung cơ bản của ý thức lý luận?

- A. Là những tri thức được hình thành một cách trực tiếp trong đời sống hàng ngày
- B. Là những tri thức chưa được hệ thống hóa, chưa được tổng hợp và khái quát hóa
- C. Là những tri thức có khả năng phản ánh hiện thực khách quan một cách sâu sắc và vạch ra những mối liên hệ, bản chất của sự vật, hiện tượng
- D. Phong phú hơn ý thức xã hội thông thường

Đáp án: C

Câu 37: Chỉ ra nội dung của tâm lý xã hội?

- A. Phản ánh một cách gián tiếp và tự giác những điều kiện sinh hoạt hàng ngày của con người
- B. Toàn bộ tư tưởng, tình cảm, thói quen... phản ánh một cách trực tiếp và tự phát những điều kiện sinh hoạt hàng ngày của con người
- C. Vạch ra những mối liên hệ bản chất, tất yếu mang tính quy luật của các sự vật, hiện tượng
- D. Tồn tại độc lập với hệ tư tưởng

Đáp án: B

Câu 38: Đâu không phải là quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về hệ tư tưởng?

- A. Là sự nhận thức lý luận về tồn tại xã hội
- B. Có khả năng đi sâu vào bản chất của mọi mối quan hệ xã hội
- C. Tồn tại độc lập với tâm lý xã hội
- D. Là kết quả của sự tổng kết, khái quát hóa các kinh nghiệm xã hội để hình thành nên những quan điểm, tư tưởng...

Đáp án: C

Câu 39: Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, hình thái ý thức nào giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội?

- A. Ý thức chính trị
- B. Ý thức đạo đức
- C. Ý thức nghệ thuật
- D. Ý thức tôn giáo

Đáp án: A

Câu 40: Hình thái ý thức xã hội nào phản ánh hứa hẹn sức mạnh của giới tự nhiên bên ngoài lẫn các quan hệ xã hội vào đầu óc con người?

- A. Ý thức pháp luật
- B. Ý thức chính trị
- C. Ý thức tôn giáo
- D. Ý thức đạo đức

Đáp án: C

Câu 41: Đâu không phải là quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về ý thức khoa học?

- A. Ý thức khoa học chỉ ra bản chất của sự vật
- B. Ý thức khoa học phản ánh hiện thực chính xác
- C. Ý thức khoa học phản ánh hứa hẹn sức mạnh của giới tự nhiên vào đầu óc con người
- D. Ý thức khoa học phản ánh sự vật bằng tư duy logic, thông qua hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật

Đáp án: C

Câu 42: Chỉ ra quan niệm đúng về con người theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?

- A. Con người đã có nhận cách ngay từ khi mới sinh ra
- B. Con người là thực thể sinh học – xã hội
- C. Con người chỉ chịu sự tác động của quy luật sinh học
- D. Con người chỉ chịu sự tác động của quy luật xã hội

Đáp án: B

Câu 43: Xét đến cùng, quan hệ nền tảng nào chi phối các quan hệ khác của con người?

- A. Quan hệ huyết thống
- B. Quan hệ tôn giáo
- C. Quan hệ chính trị
- D. Quan hệ sản xuất vật chất

Đáp án: D

Câu 44: Chỉ ra quan niệm đúng theo chủ nghĩa duy vật lịch sử quan niệm về xã hội?

- A. Xã hội là tập hợp những người có cùng huyết thống
- B. Xã hội là tập hợp những người có cùng sở thích
- C. Xã hội là tập hợp những người có cùng trình độ văn hóa
- D. Xã hội là tổng thể những mối liên hệ và những quan hệ của các cá nhân với nhau

Đáp án: D

Câu 45: Quy luật nào giữ vai trò quan trọng nhất trong việc hình thành bản chất của con người?

- A. Các quy luật xã hội
- B. Các quy luật của giới tự nhiên
- C. Các quy luật sinh học
- D. Các quy luật tâm lý

Đáp án: A

Câu 46: Chỉ ra đặc điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?

- A. Là hệ thống quan điểm của các nhà duy vật siêu hình khi nghiên cứu xã hội
- B. Là kết quả của sự vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu đời sống xã hội
- C. Một trong những phát hiện vĩ đại của các nhà triết học duy tâm
- D. Hệ thống quan điểm của các nhà duy vật siêu hình khi nghiên cứu xã hội; là một trong những phát hiện vĩ đại của chủ nghĩa Mác

Đáp án: B

Câu 47: Chỉ ra thực chất của lịch sử xã hội loài người?

- A. Lịch sử đấu tranh giai cấp
- B. Lịch sử của văn hóa
- C. Lịch sử của sản xuất vật chất
- D. Lịch sử của các tôn giáo

Đáp án: C

Câu 48: Chỉ ra cơ sở của sự hình thành, biến đổi và phát triển của xã hội loài người?

- A. Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý
- B. Dân số và mật độ dân cư
- C. Sản xuất vật chất
- D. Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý; Dân số và mật độ dân cư

Đáp án: C

Câu 49: Theo C.Mác, các nền kinh tế căn bản được phân biệt bởi yếu tố nào?

- A. Phương thức sản xuất
- B. Mục đích của quá trình sản xuất ra của cải vật chất
- C. Mục đích tự nhiên của quá trình sản xuất ra của cải vật chất
- D. Mục đích xã hội của quá trình sản xuất ra của cải vật chất

Đáp án: A

Câu 50: Quan hệ sản xuất biểu hiện mối quan hệ nào?

- A. Mối quan hệ giữa các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất
- B. Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất
- C. Mối quan hệ giữa các yếu tố tham vào quá trình sản xuất
- D. Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất; Mối quan hệ giữa các yếu tố tham vào quá trình sản xuất

Đáp án: B

Câu 51: Chọn đáp án đúng nhất khi chỉ ra hai mặt cơ bản của một phương thức sản xuất?

- A. Kỹ thuật và công nghệ
- B. Kỹ thuật và lao động
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- D. Kỹ thuật và tổ chức

Đáp án: C

Câu 52: Nhân tố nào giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất?

- A. Tư liệu sản xuất
- B. Người lao động
- C. Công cụ lao động
- D. Đôi tượng lao động

Đáp án: B

Câu 53: Chỉ ra các nhân tố cơ bản cấu thành lực lượng sản xuất?

- A. Người lao động và công cụ lao động
- B. Người lao động và lao động, sản xuất
- C. Người lao động và tư liệu sản xuất
- D. Người lao động và đối tượng lao động

Đáp án: C

Câu 54: Quan hệ nào dưới đây giữ vai trò cơ bản quyết định các quan hệ xã hội khác?

- A. Quan hệ chính trị
- B. Quan hệ văn hóa
- C. Quan hệ sản xuất
- D. Quan hệ tình cảm

Đáp án: C

Câu 55: Chỉ ra nhân tố quan trọng nhất trong hệ thống quan hệ sản xuất?

- A. Quan hệ về tổ chức sản xuất
- B. Quan hệ về sở hữu về tư liệu sản xuất
- C. Quan hệ về phân phối kết quả sản phẩm
- D. Quan hệ về tổ chức sản xuất và phân phối kết quả sản phẩm

Đáp án: B

Câu 56: Chỉ ra đặc điểm về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất?

- A. Luôn luôn thống nhất với nhau
- B. Luôn luôn đối lập loại trừ nhau
- C. Thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập
- D. Không có mối liên hệ biện chứng với nhau

Đáp án: C

Câu 57: Hãy chọn phương án trả lời sai?

- A. Quan hệ sản xuất không tác động trở lại lực lượng sản xuất
- B. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có khả năng phát sinh mâu thuẫn
- D. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất và quan hệ sản xuất; Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có khả năng phát sinh mâu thuẫn

Đáp án: A

Câu 58: Quy luật nào cơ bản nhất, chi phối quyết định toàn bộ quá trình vận động, phát triển của lịch sử xã hội loài người?

- A. Quy luật đấu tranh giai cấp
- B. Quy luật quan hệ sản xuất phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Quy luật phát triển kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa, xã hội
- D. Quy luật phát triển khoa học và công nghệ phải dựa trên phát triển kinh tế

Đáp án: B

Câu 59: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhân tố nào là động lực cơ bản nhất của mọi quá trình phát triển của xã hội?

- A. Sự phát triển của khoa học
- B. Sự phát triển của khoa học và công nghệ
- C. Sự vận động của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- D. Đấu tranh giai cấp

Đáp án: C

Câu 60: Chỉ ra vai trò của quan hệ sản xuất?

- A. Là yếu tố quyết định trong phương thức sản xuất

- B. Là nội dung vật chất của quá trình sản xuất
- C. Là nội dung tinh thần của quá trình sản xuất
- D. Là hình thức xã hội của quá trình sản xuất

Đáp án: D

Câu 61: Tìm phương án trả lời sai theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?

- A. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại trong tính quy định, thống nhất với nhau
- B. Tương ứng với thực trạng phát triển nhất định của lực lượng sản xuất tất yếu đòi hỏi phải có quan hệ sản xuất phù hợp
- C. Quan hệ sản xuất có vai trò quyết định đối với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- D. Quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất

Đáp án: C

Câu 62: Trong các yếu tố sau, yếu tố nào tiêu biểu cho bộ mặt tinh thần của xã hội?

- A. Lực lượng sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất
- C. Kiến trúc thương tầng
- D. Cơ sở hạ tầng

Đáp án: C

Câu 63: Yếu tố nào thể hiện rõ nhất trình độ phát triển của lực lượng sản xuất?

- A. Sự phát triển của trình độ người lao động và công cụ lao động
- B. Sự phát triển của phương tiện lao động
- C. Sự phát triển của đổi mới lao động
- D. Sự phát triển của giới tự nhiên

Đáp án: A

Câu 64: Lựa chọn đáp án đúng?

- A. Kiến trúc thương tầng quyết định cơ sở hạ tầng
- B. Kiến trúc thương tầng có tính độc lập tương đối so với cơ sở hạ tầng
- C. Kiến trúc thương tầng tồn tại độc lập với cơ sở hạ tầng
- D. Kiến trúc thương tầng luôn luôn kìm hãm cơ sở hạ tầng

Đáp án: B

Câu 65: Chỉ ra đặc điểm về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương tầng?

- A. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thương tầng
- B. Cơ sở hạ tầng tồn tại độc lập so với kiến trúc thương tầng
- C. Cơ sở hạ tầng luôn luôn chịu tác động kìm hãm của kiến trúc thương tầng
- D. Cơ sở hạ tầng luôn luôn chịu tác động thúc đẩy của kiến trúc thương tầng

Đáp án: A

Câu 66: Trong kiến trúc thương tầng của xã hội có giai cấp, yếu tố nào là cơ bản nhất, tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất tới cơ sở hạ tầng?

- A. Tổ chức nhà nước
- B. Tổ chức tôn giáo
- C. Các tổ chức văn hóa - xã hội
- D. Tổ chức tôn giáo; Các tổ chức văn hóa - xã hội

Đáp án: A

Câu 67: Chỉ ra đặc điểm trong mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương天堂?

- A. Cơ sở hạ tầng tồn tại độc lập với kiến trúc thương天堂
- B. Kiến trúc thương天堂 quyết định cơ sở hạ tầng
- C. Chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thương天堂
- D. Chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó kiến trúc thương天堂 quyết định cơ sở hạ tầng

Đáp án: C

Câu 68: Theo quan niệm chủ nghĩa duy vật lịch sử, lịch sử loài người trải qua các hình thái kinh tế - xã hội nào?

- A. Cộng sản nguyên thủy, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ cộng sản chủ nghĩa
- B. Cộng sản nguyên thủy, chế độ phong kiến, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ cộng sản chủ nghĩa, chế độ tư bản chủ nghĩa
- C. Chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ cộng sản chủ nghĩa
- D. Cộng sản nguyên thủy, chế độ phong kiến, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ cộng sản chủ nghĩa

Đáp án: A

Câu 69: Tìm câu trả lời đúng nhất trong việc chỉ ra nguyên nhân của mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp?

- A. Sự đối lập nhau về văn hóa
- B. Sự đối lập về lợi ích cơ bản- lợi ích kinh tế
- C. Sự đối lập nhau về tư tưởng
- D. Sự đối lập nhau về lối sống

Đáp án: B

Câu 70: Nguyên nhân trực tiếp nào dẫn đến sự ra đời của nhà nước?

- A. Mâu thuẫn giai cấp trong xã hội gay gắt không thể điều hòa được.
- B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- C. Mâu thuẫn giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- D. Mâu thuẫn giữa lợi ích của các giai cấp

Đáp án: A

Câu 71: Nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện nhà nước?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do mâu thuẫn giai cấp
- C. Do đấu tranh giai cấp
- D. Do chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất

Đáp án: A

Câu 72: Bản chất của nhà nước là gì?

- A. Là một tổ chức chính trị, bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.

- B. Là một tổ chức chính trị của một giai cấp thống trị về mặt kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.
- C. Là một tổ chức chính trị của các giai cấp thống trị nhằm để đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.
- D. Là một tổ chức chính trị nhằm bảo vệ trật tự xã hội.

Đáp án: B

Câu 73: Nguồn gốc trực tiếp nào dẫn đến các cuộc cách mạng xã hội?

- A. Đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp
- A. Đấu tranh giai cấp trong xã hội không có giai cấp
- B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- C. Mâu thuẫn giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

Đáp án: A

Câu 74: Nguồn gốc sâu xa nào dẫn đến cách mạng xã hội?

- A. Mâu thuẫn giai cấp gay gắt không thể điều hòa được
- B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- C. Mâu thuẫn giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- D. Mâu thuẫn giữa lợi ích của các giai cấp

Đáp án: B

Câu 75: Thời cơ cách mạng là gì?

- A. Là thời điểm đặc biệt khi điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan của cách mạng xã hội đã chín muồi
- B. Là khi lực lượng sản xuất mâu thuẫn với quan hệ sản xuất
- C. Sự phẫn nộ của quần chúng lên cao
- D. Sự khủng hoảng của giai cấp thống trị

Đáp án: A

Câu 76: Đối tượng của cách mạng xã hội là ai?

- A. Là những giai cấp cách mạng
- B. Là những lực lượng tiến bộ
- C. Là những giai cấp và những lực lượng đối lập cần phải đánh đổ của cách mạng
- D. Là giai cấp có hệ tư tưởng tiến bộ, đại diện cho xu hướng phát triển của xã hội

Đáp án: C

Câu 77: Chỉ ra những nguyên nhân làm cho ý thức xã hội thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội?

- A. Bản chất của ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh tồn tại xã hội
- B. Do sức mạnh của thói quen, truyền thống, tập quán cũng như do tính lạc hậu bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội
- C. Do vấn đề lợi ích
- D. Bản chất của ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh tồn tại xã hội; do sức mạnh của thói quen, truyền thống, tập quán cũng như do tính lạc hậu bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội; go vấn đề lợi ích

Đáp án: D

Câu 78: Chỉ ra đặc điểm cơ bản trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội?

- A. Ý thức xã hội hoàn toàn phụ thuộc một cách thụ động vào tồn tại xã hội

- B. Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội
- C. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
- D. Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội và ý thức xã hội không tác động trở lại tồn tại xã hội

Đáp án: B

Câu 79: Học thuyết nào cho rằng: “Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội nhưng đồng thời ý thức xã hội lại có tính độc lập tương đối của nó”?

- A. Chủ nghĩa duy vật
- B. Chủ nghĩa duy tâm
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Đáp án: D

Câu 80: Chỉ ra điều kiện cơ bản nhất để ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội?

- A. Ý thức xã hội phải phù hợp với tồn tại xã hội
- B. Hoạt động thực tiễn của con người
- C. Ý thức xã hội phải vượt trước tồn tại xã hội
- D. Ý thức xã hội phải lạc hậu so với tồn tại xã hội

Đáp án: B

Câu 81: Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào sai?

- A. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- B. Ý thức xã hội có tính độc lập tương đối
- C. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
- D. Tồn tại xã hội quyết định nội dung, đặc điểm của ý thức xã hội

Đáp án: C

Câu 82: Chỉ ra biểu hiện trong tính lạc hậu của ý thức xã hội?

- A. Xã hội cũ đã mất đi rồi song ý thức xã hội do xã hội đó sản sinh ra vẫn còn tồn tại
- B. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội
- C. Ý thức xã hội có thể tác động trở lại tồn tại xã hội
- D. Các hình thái ý thức xã hội tác động qua lại với nhau

Đáp án: A

Câu 83: Chỉ ra quan điểm đúng về con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?

- A. Con người sáng tạo ra toàn bộ giới tự nhiên
- B. Con người là một bộ phận của giới tự nhiên
- C. Con người chỉ cần tuân theo các quy luật xã hội
- D. Con người chỉ cần cải tạo chứ không cần phải hòa hợp với giới tự nhiên

Đáp án: B

Câu 84: Quan điểm “con người là chủ thể của lịch sử” được hiểu như thế nào?

- A. Con người là chủ thể duy nhất sáng tạo ra giới tự nhiên
- B. Con người là chủ thể duy nhất sáng tạo ra giới tự nhiên và xã hội
- C. Con người điều khiển lịch sử phát triển hoàn toàn theo ý muốn chủ quan mà không cần theo các quy luật khách quan

D. Con người nắm vững và vận dụng sáng tạo quy luật khách quan tác động vào tự nhiên, xã hội thúc đẩy nó phát triển phù hợp với nhu cầu của mình

Đáp án: D

Câu 85: Quan điểm “con người là sản phẩm của lịch sử” được hiểu như thế nào?

- A. Bản chất của con người không bao giờ thay đổi
- B. Con người hoàn toàn lệ thuộc vào lịch sử
- C. Bản chất của con người phụ thuộc vào điều kiện lịch sử quy định
- D. Bản chất của con người hoàn toàn là sản phẩm của giới tự nhiên

Đáp án: C

Câu 86: Chỉ ra đặc điểm của quần chúng nhân dân theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử?

- A. Là người sáng tạo chân chính ra lịch sử
- B. Phụ thuộc hoàn toàn vào các cá nhân kiệt xuất
- C. Phụ thuộc hoàn toàn vào lãnh tụ
- D. Phụ thuộc hoàn toàn vào giai cấp thống trị

Đáp án: A

Câu 87: Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào sai?

- A. Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội
- B. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội
- C. Ý thức xã hội có tính kế thừa
- D. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội

Đáp án: D

Câu 88: Chỉ ra quan điểm đúng theo chủ nghĩa duy vật lịch sử?

- A. Đời sống tinh thần độc lập với đời sống vật chất
- B. Đời sống tinh thần là cơ sở phát triển của đời sống vật chất
- C. Đời sống tinh thần của xã hội hình thành và phát triển trên cơ sở đời sống vật chất
- D. Phải tìm nguồn gốc của tư tưởng trong đầu óc con người

Đáp án: C

Câu 89: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, phải tìm cơ sở sâu xa của các hiện tượng xã hội ở đâu?

- A. Trong tư tưởng, tinh thần, ý chí chủ quan của con người
- B. Trong nền sản xuất vật chất của xã hội
- C. Trong chủ trương, chính sách của nhà nước
- D. Trong truyền thống văn hóa xã hội

Đáp án: B

Câu 90: Điền từ vào chỗ trống: “Điểm khác biệt căn bản giữa xã hội loài người với xã hội loài vật là ở chỗ: loài vượn may mắn lăm chǐ... trong khi con người lại...”

- A. Hái lượm- Sản xuất
- B. Sản xuất- Hái lượm
- C. Hái lượm- Hái lượm
- D. Sản xuất- sản xuất

Đáp án: A

Câu 91: C.Mác viết: “Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái cối xay chạy bằng máy hơi nước đưa lại xã hội tư bản công nghiệp” nhằm để chỉ luận điểm nào?

- A. Vai trò quyết định của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất
- B. Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại độc lập với nhau
- D. Tất cả các đáp án

Đáp án: B

Câu 92: Khi nào quan hệ sản xuất trở thành xiềng kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất?

- A. Khi quan hệ sản xuất phản ánh đúng lực lượng sản xuất
- B. Khi quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Khi quan hệ sản xuất được xây dựng trên nền tảng của lực lượng sản xuất
- D. Khi quan hệ sản xuất lỗi thời, lạc hậu so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; Khi quan hệ sản xuất tiên tiến vượt trước quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Đáp án: D

Câu 93: Khi diễn ra mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thì dẫn đến vấn đề gì?

- A. Quan hệ sản xuất không thể thay đổi được vì nó được bảo vệ bằng quyền lực nhà nước
- B. Lực lượng sản xuất phải tự điều chỉnh cho phù hợp với quan hệ sản xuất
- C. Quan hệ sản xuất được thay đổi thông qua những cuộc cải cách và các cuộc cách mạng xã hội
- D. Quan hệ sản xuất không thể thay đổi được vì nó được bảo vệ bằng quyền lực nhà nước; Lực lượng sản xuất phải tự điều chỉnh cho phù hợp với quan hệ sản xuất

Đáp án: C

Câu 94: Sự thay thế và phát triển của các phương thức sản xuất phản ánh điều gì?

- A. Xu hướng tất yếu khách quan của quá trình phát triển xã hội loài người từ trình độ thấp đến trình độ ngày càng cao hơn
- B. Mong muốn chủ quan của giai cấp thống trị xã hội
- C. Mong muốn chủ quan của các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động
- D. Mong muốn chủ quan của giai cấp thống trị xã hội; Mong muốn chủ quan của các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động

Đáp án: A

Câu 95: Điền vào chỗ trống, C.Mác khẳng định: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những ... nào”?

- A. Đối tượng lao động
- B. Công cụ lao động
- C. Phương tiện lao động
- D. Tư liệu lao động

Đáp án: B

Câu 96: Chỉ ra đặc điểm về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- A. Quan hệ sản xuất luôn thúc đẩy lực lượng sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất luôn kìm hãm lực lượng sản xuất
- C. Quan hệ sản xuất chỉ thúc đẩy mà không kìm hãm lực lượng sản xuất
- D. Quan hệ sản xuất thúc đẩy hoặc kìm hãm lực lượng sản xuất

Đáp án: D

Câu 97: Hãy chọn câu trả lời đúng nhất, lịch sử xã hội loài người là lịch sử kế tiếp nhau của yếu tố nào?

- A. Các phương thức sản xuất
- B. Các phương tiện lao động
- C. Các đối tượng lao động
- D. Các phương tiện lao động và các đối tượng lao động

Đáp án: A

Câu 98: Trong thực tiễn, muôn phát triển kinh tế phải bắt đầu từ đâu?

- A. Từ phát triển lực lượng lao động và công cụ lao động
- B. Từ phát triển phương tiện lao động
- C. Từ phát triển đối tượng lao động
- D. Từ phát triển đối tượng lao động và phương tiện lao động

Đáp án: A

Câu 99: Trong thực tiễn, muôn xóa bỏ một quan hệ sản xuất cũ, thiết lập một quan hệ sản xuất mới trước tiên phải căn cứ vào yếu tố nào?

- A. Mệnh lệnh hành chính
- B. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Ý muốn chủ quan, duy ý chí của người lao động
- D. Mọi sắc lệnh từ trên ban xuống

Đáp án: B

Câu 100: Xét đến cùng, nguyên nhân làm biến đổi căn bản cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là do đâu?

- A. Sự phát triển của quan hệ sản xuất
- B. Sự phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Ý muốn chủ quan của con người
- D. Ý muốn chủ quan của con người và do sự phát triển của quan hệ sản xuất

Đáp án: B

Câu 101: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để xây dựng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa, trước hết cần phải làm gì?

- A. Theo khuynh hướng chủ quan, duy ý chí
- B. Nôn nóng, bất chấp các quy luật khách quan
- C. Phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa
- D. Coi phát triển văn hóa là nền tảng để phát triển xã hội

Đáp án: C

Câu 102: Chỉ ra đặc trưng của kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa?

- A. Sự không đồng thuận về chính trị và tinh thần trong toàn xã hội
- B. Sự mâu thuẫn gay gắt về chính trị trong toàn xã hội
- C. Sự mâu thuẫn gay gắt về tinh thần trong đời sống xã hội

D. Sự nhất trí về chính trị và tinh thần của toàn xã hội

Đáp án: D

Câu 103: Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương天堂 đại diện cho hai phương diện cơ bản nào của đời sống xã hội?

- A. Phương diện kinh tế và phương diện chính trị- xã hội
- B. Phương diện kinh tế và phương diện khoa học kỹ thuật
- C. Phương diện văn hóa và phương diện khoa học kỹ thuật
- D. Phương diện kinh tế và phương diện khoa học kỹ thuật; Phương diện văn hóa

Đáp án: A

Câu 104: Kiến trúc thương天堂 có vai trò gì đối với cơ sở hạ tầng?

- A. Kiến trúc thương天堂 có vai trò quyết định cơ sở hạ tầng
- B. Kiến trúc thương天堂 chịu sự quyết định hoàn toàn của cơ sở hạ tầng, nó không có vai trò gì đối với cơ sở hạ tầng
- C. Kiến trúc thương天堂 thường xuyên có vai trò tác động trở lại cơ sở hạ tầng
- D. Kiến trúc thương天堂 luôn luôn tác động tích cực đối với cơ sở hạ tầng

Đáp án: C

Câu 105: Mối quan hệ giữa lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực chính trị của xã hội được khái quát trong quy luật nào?

- A. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Quy luật đấu tranh giai cấp
- C. Quy luật và mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương天堂
- D. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

Đáp án: C

Câu 106: Chỉ ra tính ưu việt của kiến trúc thương天堂 xã hội chủ nghĩa?

- A. Mang hệ tư tưởng của giai cấp nông dân
- B. Mang hệ tư tưởng của giai cấp công nhân
- C. Mang hệ tư tưởng của giai cấp tư sản
- D. Mang hệ tư tưởng của tất cả các giai cấp trong xã hội

Đáp án: B

Câu 107: Trong nhận thức và thực tiễn, nếu tuyệt đối hóa kinh tế, hạ thấp và phủ nhận yếu tố chính trị là rơi vào quan điểm nào?

- A. Quan điểm lịch sử cụ thể
- B. Quan điểm phát triển
- C. Quan điểm toàn diện
- D. Quan điểm duy vật tầm thường

Đáp án: D

Câu 108: Nhiệm vụ trọng tâm nào mà Việt Nam phải thực hiện trong quá trình đổi mới đất nước?

- A. Đổi mới chính trị làm trung tâm
- B. Đổi mới kinh tế làm trung tâm
- C. Đổi mới văn hóa làm trung tâm
- D. Đổi mới tôn giáo làm trung tâm

Đáp án: B

Câu 109: Điền vào chỗ trống: Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra “Con đường đi lên cả nước ta là sự phát triển của quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ ...”?

- A. Phong kiến
- B. Tư bản chủ nghĩa
- C. Cộng sản chủ nghĩa
- D. Chiếm hữu nô lệ

Đáp án: B

Câu 110: Việt Nam lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa được hiểu như thế nào?

- A. Bỏ qua sự vai trò thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa
- B. Bỏ qua tất cả những thành tựu của chủ nghĩa tư bản
- C. Kế thừa tất cả những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản
- D. Xác định đây là con đường thuận lợi

Đáp án: A

Câu 111: Nhân tố nào quyết định nhất đến xu hướng phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội?

- A. Ý thức của giai cấp nắm quyền lực nhà nước
- B. Ý chí của nhân dân
- C. Quy luật khách quan
- D. Sự tác động của tình hình quốc tế đối với tiến trình phát triển của mỗi cộng đồng người trong lịch sử

Đáp án: C

Câu 112: Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội là phạm trù được áp dụng cho xã hội nào?

- A. Cho xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định
- B. Cho xã hội cộng sản chủ nghĩa
- C. Cho xã hội tư bản
- D. Cho xã hội phong kiến

Đáp án: A

Câu 113: Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào đúng?

- A. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới phải bắt đầu từ sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội phải bắt đầu từ xây dựng quan hệ sản xuất
- C. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội cũ phải bắt đầu từ việc xây dựng và phát triển kiến trúc thượng tầng
- D. Muốn nhận thức và cải tạo xã hội, xây dựng xã hội mới phải phải tuyệt đối hoá vai trò quyết định quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng

Đáp án: A

Câu 114: Ở Việt Nam, việc phát triển đất nước theo con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa dựa trên lý luận cơ bản nào?

- A. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
- B. Ý thức xã hội

- C. Triết học về con người
- D. Nhà nước và cách mạng xã hội

Đáp án: A

Câu 115: Từ nội dung của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất cho thấy muốn phát triển kinh tế - xã hội thì trước tiên cần phải phát triển những yếu tố nào?

- A. Lực lượng lao động và công cụ lao động
- B. Quan hệ sản xuất và công cụ lao động
- C. Phương tiện lao động và công cụ lao động
- D. Đối tượng lao động và công cụ lao động

Đáp án: A

Câu 116: "Muốn phát triển kinh tế thì trước tiên cần phải phát triển lực lượng lao động và công cụ lao động" là ý nghĩa cơ bản nhất được rút ra từ quy luật nào?

- A. Quy luật đấu tranh giai cấp
- B. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thương tầng
- C. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất
- D. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

Đáp án: C

Câu 117: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay là sự vận dụng đúng đắn quy luật nào?

- A. Quy luật quan hệ sản xuất quyết định trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Quy luật kiến trúc thương tầng quyết định cơ sở hạ tầng
- D. Quy luật cơ sở hạ tầng phụ thuộc vào kiến trúc thương tầng

Đáp án: B

Câu 118: Quy luật nào đóng vai trò là nền tảng nhất cho việc đề ra quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Quy luật đấu tranh giai cấp
- B. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thương tầng
- C. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất
- D. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

Đáp án: C

Câu 119: Chọn phương án trả lời sai? Quan hệ sản xuất "đi sau" hay "vượt trước" trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thể hiện:

- A. Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất
- B. Sự không phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất
- C. Quan hệ sản xuất sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất
- D. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất

Đáp án: A

Câu 120: Trong xã hội chủ nghĩa, sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đòi hỏi tất yếu phải thiết lập chế độ nào?

- A. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội
- B. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội

C. Tất cả các đáp án

D. Chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội

Đáp án: B

Câu 121: Điền từ: C.Mác khẳng định: “Tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng, các... mâu thuẫn với những ... hiện có”

A. Lực lượng sản xuất vật chất \- quan hệ sản xuất

B. Quan hệ sản xuất \- lực lượng sản xuất

C. Lực lượng sản xuất \- lực lượng sản xuất

D. Quan hệ sản xuất \- quan hệ sản xuất

Đáp án: A

Câu 122: Cơ sở hạ tầng trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay có đặc điểm gì?

A. Gắn với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò là nền tảng

B. Gắn với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế tư nhân giữ vai trò là nền tảng

C. Gắn với cơ cấu kinh tế ít thành phần trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò là nền tảng

D. Gắn với cơ cấu kinh tế ít thành phần trong đó kinh tế tư nhân giữ vai trò là nền tảng

Đáp án: A

Câu 123: Để xây dựng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thương天堂 xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay cần phải làm gì?

A. Tránh khuynh hướng chủ quan duy ý chí

B. Xuất phát từ khuynh hướng chủ quan duy ý chí

C. Xuất phát từ mệnh lệnh hành chính

D. Xuất phát theo khuynh hướng tả khuynh

Đáp án: A

Câu 124: Chọn phương án trả lời sai? Ở Việt Nam việc xây dựng và hoàn thiện kiến trúc thương天堂 xã hội chủ nghĩa phải:

A. Xuất phát từ những đòi hỏi khách quan của sự phát triển kinh tế \- xã hội

B. Xuất phát từ khuynh hướng chủ quan duy ý chí

C. Tích cực chủ động khắc phục tàn dư của xã hội cũ

D. Đánh bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch

Đáp án: B

Câu 125: Ở Việt Nam, muốn xây dựng xã hội mới thì phải làm gì?

A. Từng bước xóa bỏ những tàn dư, lạc hậu của ý thức xã hội cũ

B. Xóa bỏ tất cả ý thức xã hội mới

C. Xóa bỏ tất cả những sản phẩm thuộc về ý thức xã hội cũ

D. Chủ quan và nóng vội trong việc xóa bỏ tàn dư, nhưng tư tưởng và ý thức xã hội cũ và ý thức xã hội mới

Đáp án: A

Câu 126: Hình thái ý thức xã hội nào là sự phản ánh hư ảo sức mạnh của giới giới tự nhiên bên ngoài lẫn các quan hệ xã hội vào trong đầu óc con người?

A. Ý thức tôn giáo

B. Ý thức khoa học

C. Ý thức triết học

D. Ý thức chính trị

Đáp án: A

Câu 127: C.Mác và Ph.Ăngghen nói: “Ngay cả chủ nghĩa cộng sản phát triển cũng trực tiếp bắt nguồn từ chủ nghĩa duy vật Pháp” thể hiện đặc điểm nào?

- A. Ý thức xã hội lạc hậu so với tồn tại xã hội
- B. Ý thức xã hội có tính kế thừa
- C. Tính vượt trước của ý thức xã hội
- D. Ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội

Đáp án: B

Câu 128: C.Mác dự báo “tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp” đang trở thành sự thật trong xã hội của thế kỷ XXI, minh chứng cho điều gì?

- A. Tính lạc hậu của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
- B. Tính vượt trước của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
- C. Tính kế thừa của ý thức xã hội
- D. Tính tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

Đáp án: B

Câu 129: V.I.Lênin nói rằng: “Sức mạnh của tập quán ở hàng triệu và hàng chục triệu người là sức mạnh ghê gớm nhất” là muốn khẳng định điều gì?

- A. Tính lạc hậu của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
- B. Tính vượt trước của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
- C. Tính tác động qua lại của các hình thức ý thức xã hội
- D. Tính kế thừa của ý thức xã hội

Đáp án: A

Câu 130: Tìm phương án sai, muốn xây dựng xã hội mới ở Việt Nam thì phải làm gì?

- A. Từng bước xóa bỏ những tàn dư, ý thức xã hội cũ
- B. Bồi đắp, xây dựng và phát triển ý thức xã hội mới
- C. Không được nồng vội xóa bỏ tất cả tàn dư của xã hội cũ đã từng xảy ra ở Việt Nam như nhiều năm trước đây
- D. Xóa bỏ tất cả những gì thuộc về ý thức xã hội cũ

Đáp án: D

Câu 131: Theo quan niệm của C.Mác, hình thái ý thức xã hội có ý nghĩa khiến cho nó trở thành linh hồn sống của văn hóa?

- A. Ý thức triết học
- B. Ý thức tôn giáo
- C. Ý thức pháp quyền
- D. Ý thức thẩm mỹ

Đáp án: A

Câu 132: Hình thái ý thức xã hội nào hình thành sớm từ trước khi xã hội có sự phân chia giai cấp?

- A. Ý thức nghệ thuật
- B. Ý thức triết học
- C. Ý thức chính trị
- D. Ý thức pháp quyền

Đáp án: A

Câu 133: Hình thái ý thức xã hội nào phản ảnh hiện thực một cách chân thực và chính xác nhất?

- A. Ý thức tôn giáo
- B. Ý thức khoa học
- C. Ý thức nghệ thuật
- D. Ý thức thẩm mỹ

Đáp án: B

Câu 134: Ý nghĩa phương pháp luận nào được rút ra từ tính độc lập tương đối của ý thức xã hội?

- A. Không được tuyệt đối hóa vai trò của kinh tế đồng thời nhưng không thấy được vai trò của ý thức xã hội
- B. Tuyệt đối hóa vai trò của kinh tế và phủ nhận vai trò tích cực của ý thức xã hội
- C. Tuyệt đối hóa vai trò của ý thức xã hội và phủ nhận vai trò của kinh tế
- D. Coi trọng vai trò của kinh tế và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

Đáp án: D

Câu 135: Tìm phương án sai, ở Việt Nam để xây dựng đời sống tinh thần cần phải làm gì?

- A. Xóa bỏ dần dần những tư tưởng phong tục tập quán lạc hậu
- B. Đề cao nhiệm vụ giáo dục các giá trị đạo đức lành mạnh
- C. Xóa bỏ tất cả các giá trị văn hóa truyền thống
- D. Không chủ quan, nóng vội trong việc xóa bỏ những tư tưởng lạc hậu

Đáp án: C

Câu 136: Ở Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại tư tưởng: “Một người làm quan cả họ được nhờ” đã thể hiện điều gì?

- A. Tính lạc hậu của ý thức xã hội
- B. Tính vượt trước của ý thức xã hội
- C. Tính kế thừa của ý thức xã hội
- D. Tính tác động qua lại của các hình thái ý thức xã hội

Đáp án: A

Câu 137: Hiện nay ở nước ta còn tồn tại tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, điều đó đó thể hiện tính chất gì của ý thức xã hội?

- A. Tính lạc hậu
- B. Tính kế thừa
- C. Tính độc lập
- D. Tính vượt trước

Đáp án: A

Câu 138: Hiện nay ở Việt Nam, để xây dựng đời sống tinh thần thì cần phải làm gì

- A. Kế thừa và duy trì các giá trị tốt đẹp của đạo đức truyền thống của dân tộc
- B. Duy trì tất cả văn hóa truyền thống của dân tộc
- C. Tiếp thu tất cả văn hóa của nhân loại
- D. Coi giáo dục đạo đức, văn hóa là nhiệm vụ thứ yếu

Đáp án: A

Câu 139: Hiện nay ở Việt Nam, để xây dựng đời sống tinh thần thì cần phải làm gì?

- A. Xóa bỏ dần những tư tưởng phong tục tập quán lạc hậu
- B. Chủ quan nóng vội trong việc xóa bỏ những tư tưởng, tập quán lạc hậu
- C. Tiếp thu tất cả các giá trị văn hóa của nhân loại
- D. Coi văn hóa là lĩnh vực thứ yếu

Đáp án: A

Câu 140: Tìm đáp án sai, để phát huy mạnh mẽ vai trò con người trong giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam cần phải làm gì?

- A. Con người được đặt ở vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế và xã hội
- B. Đề cao chủ nghĩa cá nhân
- C. Kết hợp giữa lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần
- D. Chú trọng tuyên truyền giáo dục, động viên kịp thời các hiện tượng tích cực của con người trong xã hội

Đáp án: B

Câu 141: Hãy rút ra ý nghĩa phương pháp luận đúng đắn được rút ra từ mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng nhân dân?

- A. Tuyệt đối hóa vai trò của lãnh tụ
- B. Tuyệt đối hóa vai trò của quần chúng nhân dân
- C. Tách rời mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng nhân dân
- D. Kết hợp hài hòa, khoa học vai trò quần chúng nhân dân và lãnh tụ

Đáp án: D

Câu 142: Tuyệt đối hóa vai trò của lãnh tụ sẽ dẫn đến điều gì?

- A. Tệ sùng bái cá nhân
- B. Coi trọng quần chúng nhân dân
- C. Phát huy được tính năng động, sáng tạo của quần chúng nhân dân
- D. Coi trọng quần chúng nhân dân và phát huy được sự sáng tạo của họ

Đáp án: A

Câu 143: Tuyệt đối hóa vai trò của quần chúng nhân dân sẽ dẫn đến điều gì?

- A. Tệ sùng bái cá nhân
- B. Xem nhẹ vai trò của các cá nhân và lãnh tụ
- C. Phát huy được tính sáng tạo của cá nhân và lãnh tụ
- D. Tệ sùng bái cá nhân và phát huy được vai trò sáng tạo của cá nhân, lãnh tụ

Đáp án: B

Câu 144: C.Mác viết: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội”, có ý nghĩa gì?

- A. C.Mác bác bỏ hoàn toàn mặt tự nhiên của con người
- B. C.Mác nhấn mạnh bản chất xã hội của con người
- C. C.Mác nhấn mạnh mặt tự nhiên của con người
- D. C.Mác nhấn mạnh bản chất con người mang tính chất chung chung, trừu tượng

Đáp án: B

Câu 145: Những tư tưởng: “trọng nam khinh nữ, một người làm quan cả họ được nhò” thể hiện điều gì?

- A. Là Tàn dư của xã hội cũ và cần phải xóa bỏ
- B. Là đại diện cho tư tưởng của xã hội mới
- C. Không ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội mới
- D. Không cần phải xóa bỏ bởi không ảnh hưởng nhiều đến đời sống xã hội

Đáp án: A

Câu 146: Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải, chúng ta phải làm gì?

- A. Đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích xã hội
- B. Đặt lợi ích xã hội lên trên lợi ích cá nhân
- C. Giải quyết đúng đắn, hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội
- D. Tách rời giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội

Đáp án: C

Câu 147: Để phát huy mạnh mẽ vai trò con người trong giai đoạn cách mạng hiện nay chúng ta phải làm gì?

- A. Kết hợp giữa lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần
- B. Đề cao chủ nghĩa cá nhân
- C. Chỉ tập trung giải quyết lợi ích vật chất
- D. Chỉ tập trung giải quyết lợi ích tinh thần

Đáp án: A

Câu 148: Câu tục ngữ “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng” phản ánh điều gì?

- A. Con người là chủ thể của lịch sử
- B. Môi trường xã hội ảnh hưởng tới nhân cách của con người
- C. Môi trường xã hội không ảnh hưởng tới nhân cách của con người
- D. Con người không thể sáng tạo ra lịch sử

Đáp án: B